

**BÁO CÁO CÔNG TÁC Y TẾ NĂM 2017  
PHƯƠNG HƯỚNG NHIỆM VỤ NĂM 2018**

**Phần thứ nhất.**

**KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC Y TẾ NĂM 2017**

Năm 2017, năm thứ hai thực hiện kế hoạch 5 năm 2016 – 2020, ngành Y tế An Giang đã tập trung triển khai thực hiện hoàn thành cơ bản các mục tiêu, chỉ tiêu kế hoạch năm 2017.

**I. Tình hình thực hiện các chỉ tiêu chính về y tế và sức khỏe:**

TT	Chỉ số	Đơn vị	KH 2017	Ước TH 2017	Đánh giá TH/KH
1	Số Bác sĩ trên 10.000 dân	Người	6,8	6,8	Đạt
	<i>Trong đó: số BS công lập/10.000 dân</i>	<i>Người</i>	<i>4,74</i>	<i>5,24</i>	<i>Đạt</i>
2	Số Dược sĩ đại học trên 10.000 dân	Người	1,28	1,28	Đạt
	<i>Trong đó: số DSDH công lập/10.000 dân</i>	<i>Người</i>	<i>0,78</i>	<i>0,91</i>	<i>Đạt</i>
3	Tỷ lệ khám áp có NVYT hoạt động	%	100	100	Đạt
4	Tỷ lệ trạm y tế xã/phường/thị trấn có bác sĩ làm việc	%	76	76	Đạt
5	Tỷ lệ trạm y tế xã có nữ hộ sinh hoặc y sỹ sản nhi	%	100	100	Đạt
6	Số giường bệnh trên 10.000 dân (không bao gồm giường của TYT)	Giường	20,44	19,69	Không đạt
7	Tỷ lệ trẻ em dưới 1 tuổi được tiêm chủng đầy đủ các loại vắc-xin	%	≥ 90	90,6	Đạt
8	Tỷ lệ dân số tham gia BHYT	%	76	76,5	Đạt
9	Tỷ số tử vong mẹ trên 100.000 trẻ đẻ sống	Bà mẹ	≤ 30	18,2	Đạt
10	Tỷ suất tử vong trẻ em dưới 1 tuổi	‰	6	6	Đạt
11	Tỷ suất tử vong trẻ em dưới 5 tuổi	‰	11,2	11,2	Đạt
12	Dân số trung bình	Triệu người	2,163	2,162	Đạt
13	Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên	%	0,91	0,91	Đạt
14	Tỷ số giới tính khi sinh (số bé trai/100 bé gái)	trẻ	108	108	đạt
15	Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng (cân nặng/tuổi) (*)	%	11,7	11,5	Đạt
16	Tỷ lệ nhiễm HIV/AIDS trong cộng đồng	%	< 0,3	0,283	Đạt

(\*) Tỷ lệ SDD trẻ em: Theo số liệu công bố của Viện Dinh dưỡng qua số liệu điều tra tại An Giang, tỷ lệ SDD thể nhẹ cân năm 2016 của An Giang là: **12,6%** (giảm 0,2% so với năm 2015), Chỉ tiêu Bộ Y tế giao cho An Giang năm 2017: tỷ lệ SDD thể nhẹ cân của An Giang còn: **12,3%**, giảm 0,3% so với năm 2016. Kết quả điều tra sơ bộ năm 2017 của TTYT DP tỉnh: Tỷ lệ SDD trẻ em dưới 5 tuổi thể nhẹ cân: 11,5% (giảm 1,1% so với năm 2016),

## II. Kết quả thực hiện các nhiệm vụ chuyên môn

### 1. Công tác phòng chống dịch bệnh:

#### 1.1. Tình hình các bệnh truyền nhiễm (Từ 01/01/2017 đến 31/12/2017):

Nhìn chung tình hình các bệnh truyền nhiễm không có nhiều biến động, ngoài sự gia tăng bệnh SXH và Tay chân miệng, các dịch bệnh khác không có biến động. Các dịch bệnh đã được khống chế tốt, hạn chế số mắc, không để bùng phát thành dịch lớn, hạn chế tử vong.

- **Sốt xuất huyết:** Có 4.627 trường hợp mắc, tử vong 04 trường hợp (TP Long Xuyên, huyện An Phú, Phú Tân, Tri Tôn). So với cùng kỳ năm 2016 số mắc SXH tăng 55,4%, số tử vong tăng 01 ca (số mắc/chết SXH cùng kỳ 2016: 2.978/03). Tỷ lệ mắc SXH/100.000 dân: 214,04; tỷ lệ chết/mắc: 0,086% (cùng kỳ năm 2016 các tỷ lệ tương ứng là: 137,88/100.000 dân; 0,101%). So với số mắc cùng kỳ của trung bình 5 năm 2011-2015, số mắc SXH tăng 29,21% (số mắc trung bình 5 năm 2011-2015: 3.581 ca).

- **Bệnh Tay chân miệng:** Ghi nhận 3.322 trường hợp mắc bệnh, không có tử vong. So với cùng kỳ năm 2016 số mắc bệnh Tay chân miệng tăng 43,5%, (số mắc/chết cùng kỳ 2016: 2.315/0). Tỷ lệ mắc TCM/100.000 dân: 153,67 (cùng kỳ năm 2016 là: 107,2/100.000 dân). So với số mắc cùng kỳ của trung bình 5 năm 2011-2015, số mắc TCM tăng 19,3% (số mắc TB 5 năm 2011-2015: 2.784 ca).

- **Viêm não Virus:** có 11 trường hợp mắc, không có tử vong. So với cùng kỳ 2016 số mắc giảm 21,4%, số chết giảm 02 trường hợp (số mắc/chết cùng kỳ 2016: 14/02).

- **Bệnh Thương hàn và Phó thương hàn:** có 233 trường hợp mắc, không có tử vong, so với cùng kỳ năm 2016 số mắc Thương hàn - phó Thương hàn tăng 7,9% (số mắc/chết cùng kỳ 2016: 216/0).

- **Các bệnh truyền nhiễm khác:** Không ghi nhận trường hợp nào mắc bệnh Tả, Cúm A (H5N1), Bạch hầu, Ho gà, Bại liệt, Uốn ván sơ sinh, các dịch bệnh mới nổi: Zika, Ebola, MERS - CoV... So với cùng kỳ năm 2016, bệnh Viêm gan virus tăng 185,7%, bệnh Thủy đậu- Zona tăng 126,4%, các bệnh lỵ giảm 8,65%, bệnh tiêu chảy giảm 1,4% (kèm phụ lục).

#### 1.2. Hoạt động phòng chống dịch bệnh:

Triển khai thực hiện các chỉ đạo của Bộ Y tế, UBND tỉnh. Xây dựng và triển khai thực hiện kế hoạch phòng chống dịch bệnh lưu hành và các dịch bệnh mới nổi. Tập trung chỉ đạo công tác phòng chống dịch bệnh, đặc biệt là SXH, bệnh Tay chân miệng, Sốt phát ban nghi Sởi, bệnh Cúm A (H5N1), bệnh Viêm đường hô hấp cấp tính tại Trung đông (MERS-CoV), SXH do vi-rút Zika, đẩy mạnh các hoạt động truyền thông phòng, chống dịch bệnh trong nhân dân. Tăng cường kiểm tra giám sát công tác phòng, chống dịch bệnh tại các huyện, giám sát xử lý ổ dịch<sup>1</sup>, kiểm tra thường xuyên nguồn nước, vệ sinh an toàn thực phẩm, vệ sinh môi trường, đảm bảo hoạt động kiểm dịch y tế biên giới... do đó đã khống chế tốt các dịch bệnh lưu hành, không để phát triển thành dịch lớn.

### 2. Thực hiện Chương trình mục tiêu y tế - dân số:

#### 2.1. Dự án Phòng, chống một số bệnh có tính chất nguy hiểm đối với cộng đồng và một số bệnh không lây nhiễm phổ biến:

<sup>1</sup> Đã xử lý 1.123 ổ dịch SXH, 406 ổ dịch TCM, phun thuốc diệt muỗi dập dịch SXH diện rộng tại 40 điểm, tổ chức chiến dịch diệt lăng quăng 03 đợt, một số địa phương như Chợ Mới, Long Xuyên, Châu Thành, Châu Phú, Châu Đốc, Phú Tân, An Phú, Tri Tôn đã chủ động xin kinh phí của UBND huyện tổ chức thực hiện 3-8 đợt CDDLQ tại các ấp nguy cơ

**2.2.1. Phòng chống sốt rét:** Tình hình sốt rét không có biến động, không có dịch sốt rét, ghi nhận 07 ca mắc sốt rét thường là sốt rét ngoại lai do lui tới các vùng sốt rét ngoài tỉnh: Bình Phước, Đồng Nai, Củ Chi, Campuchia, không có tử vong (cùng kỳ năm 2016 có 01 ca sốt rét ngoại lai). Ngành Y tế duy trì thường xuyên công tác giám sát dịch tễ, điều tra côn trùng trung gian truyền bệnh tại các vùng trọng điểm sốt rét tại huyện Tri Tôn và Tịnh Biên, giám sát ca bệnh có ký sinh trùng sốt rét, truyền thông nâng cao kiến thức phòng bệnh trong nhân dân. Thực hiện xét nghiệm tìm ký sinh trùng sốt rét 19.791 lam máu, đạt 131,94 % KH năm.

**2.2.2. Phòng chống lao:** Duy trì công tác giám sát hoạt động chương trình, giám sát bệnh nhân lao đang điều trị. Tổ chức triển khai các hoạt động hưởng ứng ngày Thế giới phòng, chống lao 24/3. Tính đến ngày 31/12/2017, tổng số lần khám lao là 63.851 lần; tổng số bệnh nhân lao quản lý điều trị: 7.183 người đạt 95,98 % KH năm, thu dung điều trị 4.383 bệnh nhân đạt 97,4 % KH năm (trong đó bệnh nhân lao mới BK(+) mới: 2.746 người đạt 91,53% KH năm). Tổng số bệnh nhân điều trị khỏi bệnh trong kỳ: 4.091 đạt 136,18% KH năm, tỷ lệ điều trị khỏi bệnh: 93%, tỷ lệ âm hóa đạt 93%. Nhìn chung hoạt động phòng chống Lao đạt kết quả tốt.

**2.2.3. Phòng chống Phong:** Duy trì công tác giám sát điều trị, phòng chống tàn tật cho bệnh nhân Phong. Tính đến ngày 31/12/2017, tổng số bệnh nhân Phong quản lý: 41 người, trong đó số người điều trị đa hóa: 12 người (đạt 171,43% KH), trong đó hoàn thành điều trị đa hóa: 05 người, chăm sóc tàn tật: 38 người, điều trị phục hồi chức năng: 08 người (đạt 80% KH). Số bệnh nhân Phong mới phát hiện trong kỳ: 07 người đạt 100% KH năm, trong đó bệnh nhân Phong mới tàn phế độ II: 03 trường hợp (tỷ lệ 42,86%). Tỷ lệ bệnh lưu hành 0,09/10.000 dân. Tỷ lệ bệnh nhân phong mới: 0,32/100.000 dân. Nhìn chung chương trình Phong thực hiện khá tốt, tỷ lệ bệnh lưu hành và bệnh mới đều thấp hơn mức quy định. Tỉnh An Giang đạt tiêu chuẩn loại trừ bệnh Phong cấp tỉnh của Việt Nam, tiến tới loại trừ cấp huyện theo các tiêu chí của Thông tư 17/2013/TT-BYT ngày 06/06/2013 của Bộ Y tế quy định tiêu chí và hướng dẫn kiểm tra, công nhận loại trừ bệnh phong ở quy mô cấp tỉnh và huyện.

**2.2.4. Phòng chống Sốt xuất huyết:** Tập trung chỉ đạo tăng cường công tác truyền thông nâng cao nhận thức và thay đổi hành vi của người dân trong phòng chống SXH. Chủ động thực hiện phòng chống SXH ngay từ mùa khô, tăng cường giám sát dịch tễ, thực hiện xử lý 1.123 ổ dịch, khoanh vùng và phun xử lý đập dịch diện rộng tại 29 xã, phường trọng điểm, thực hiện các đợt chiến dịch diệt lăng quăng ở cộng đồng tại 89 xã, củng cố công tác điều trị tại các bệnh viện. Nhìn chung tỉnh đã có kế hoạch phòng chống SXH với các biện pháp quyết liệt chủ động từ đầu năm, chính quyền địa phương các cấp đã có những chỉ đạo thường xuyên.

**2.2.5. Phòng chống bệnh Tăng huyết áp:** Nâng cao nhận thức của người dân về dự phòng và kiểm soát bệnh tăng huyết áp; duy trì mô hình quản lý bệnh tăng huyết áp tại tuyến cơ sở. Tổng số bệnh nhân tăng huyết áp được quản lý điều trị: 12.714 người (trong đó số mới phát hiện: 2.749 người), trong đó điều trị đạt huyết áp mục tiêu: 5.957 người (đạt 62,91%), chuyển tuyến trên: 63 người, số bệnh nhân tăng huyết áp có biến cố: 143 người, số không tiếp tục điều trị: 3.245 người, số hiện tại còn quản lý: 9.469 người. Tập huấn cho 334 CB y tế tuyến cơ sở và 468 cộng tác viên khám, áp. Thực hiện truyền thông phòng chống bệnh tăng huyết áp qua đài phát thanh 3,487 lượt, truyền thông trực tiếp 409 buổi với 7.059 người tham dự.

**2.2.6. Phòng, chống bệnh đái tháo đường:** Duy trì mô hình quản lý bệnh Đái tháo đường. Tỷ lệ trạm y tế xã có tổ tư vấn đạt 100%. Tổng số bệnh nhân quản lý 5.720 người (đạt 119,7% KH), trong đó thực hiện tư vấn cho 5.166 người (gồm 2.966 bệnh nhân đái

tháo đường type 2 và 2.200 người tiền đái tháo đường) đạt 135,1% KH. Truyền thông phòng chống bệnh đái tháo đường qua đài phát thanh 3.420 lượt (đạt 91,34% KH), truyền thông trực tiếp 1.344 buổi (đạt 71,8% KH) với 17.378 người tham dự.

**2.2.7. Bảo vệ sức khỏe tâm thần cộng đồng:** Duy trì mạng lưới chăm sóc sức khỏe tâm thần tại 132 xã điểm với số bệnh nhân quản lý điều trị: 1.047 người, trong đó số điều trị ổn định là 760 người, tỷ lệ điều trị ổn định: 72,59% (KH: > 71%), tỷ lệ gây rối: 11,8% (KH: < 15%), tỷ lệ hành vi nguy hại: 5,3% (KH: < 12%), tỷ lệ mạn tính tàn phế: 6,6% (KH: < 8%). Nhìn chung dự án thực hiện đạt các mục tiêu chuyên môn theo kế hoạch.

**2.2.8. Phòng chống các rối loạn do thiếu I ốt:** Thực hiện giám sát chất lượng muối I ốt tại các cơ sở sản xuất muối I ốt trên địa bàn, lấy mẫu kiểm tra 144 mẫu, qua kết quả xét nghiệm các mẫu nội kiểm và ngoại kiểm tỷ lệ đạt tiêu chuẩn là 100%. Thực hiện truyền thông phòng chống các rối loạn do thiếu I ốt qua đài phát thanh 1.800 lượt, truyền thông trực tiếp cho học sinh và CBCNV 363 buổi với 22.594 người tham dự.

**2.2.9. Hoạt động Y tế trường học:** Duy trì các hoạt động kiểm tra vệ sinh môi trường, an toàn thực phẩm, kết hợp nhà trường thực hiện truyền thông giáo dục sức khỏe, phòng chống dịch bệnh, thực hiện khám sức khỏe định kỳ cho học sinh tại 724 trường (mẫu giáo: 187, tiểu học: 333, trung học cơ sở: 157, THPT: 47) với tổng số 244.119 học sinh được khám sức khỏe định kỳ.

**2.2. Dự án Tiêm chủng mở rộng:** Tính đến ngày 31/12/2017, thực hiện tiêm đủ 8 loại vaccine cho trẻ em dưới 01 tuổi (lao, bạch hầu, ho gà, uốn ván, bại liệt, sởi, viêm gan siêu vi B, viêm não do Hemophilus influenza) cho 28.070 cháu (đạt 90,6% đối tượng), tiêm ngừa uốn ván cho phụ nữ có thai (VAT2+): 24.792 người (đạt 80,1%), tiêm ngừa uốn ván cho phụ nữ tuổi sinh đẻ: 62.562 người (đạt 86,1%), trong đó tiêm phòng mũi 2: 25.278 người, tiêm phòng mũi 3: 37.284 người. Tiêm nhắc vaccine Sởi cho trẻ em dưới 18 tháng: 28.895 cháu (đạt 85,84% đối tượng), tiêm nhắc vaccine DPT cho 28.967 cháu (đạt 86% đối tượng).

### **2.3. Dự án Dân số và phát triển:**

#### **2.3.1. Chăm sóc Sức khỏe sinh sản:**

Hoạt động chăm sóc sức khỏe bà mẹ đạt tiến độ hầu hết các chỉ tiêu cơ bản, số sinh tại cơ sở y tế cao. Cụ thể kết quả thực hiện tính đến ngày 31/12/2017:

- Khám phụ khoa: 561.060 người, số lần khám phụ khoa là 676.199 lần, điều trị bệnh phụ khoa cho 156.345 lượt người. Qua khám sàng lọc đã phát hiện 564 trường hợp ung thư đường sinh dục nữ.

- Khám thai: 265.189 lần, số lần khám thai trung bình của phụ nữ đẻ là 4,03 lần. Tỷ lệ phụ nữ đẻ được khám thai từ 3 lần trở lên: 78,93%.

- Tổng số phụ nữ đẻ: 33.596 người, tỷ lệ sinh tại cơ sở y tế: 99,95%, trong đó sinh tại cơ sở y tế nhà nước là 78,66% (trong đó sinh tại trạm y tế xã là 245 người chiếm tỷ lệ 0,73% tổng số sinh), sinh tại cơ sở y tế tư nhân chiếm tỷ lệ 21,29%, sinh tại nhà: 08 trường hợp chiếm tỷ lệ 0,02%, số sinh không do CB y tế đỡ đẻ: 11 trường hợp, chiếm tỷ lệ: 0,03%. Tỷ lệ trẻ sơ sinh có cân nặng dưới 2.500 gram là 4,69% (KH:<6%). Số trường hợp sinh khó chiếm tỷ lệ 33,97% (năm 2016: 31,18%), tỷ lệ mổ lấy thai là 33,35% (năm 2016: 29,33%). Số tai biến sản khoa: 108 trường hợp (trong đó băng huyết: 99, nhiễm khuẩn: 06, sản giật: 03), chiếm tỷ lệ 0,3% trên tổng số phụ nữ đẻ, tử vong mẹ do tai biến sản khoa: 01 ca do băng huyết (cùng kỳ năm 2016 có 170 ca tai biến sản khoa, tỷ lệ tai biến sản khoa: 0,54%, không có tử vong). Tỷ lệ phụ nữ đẻ và trẻ sơ sinh được chăm sóc sau sinh trong tuần đầu: 65,92%; Tỷ lệ phụ nữ đẻ và trẻ sơ sinh được chăm sóc sau sinh trong 42 ngày: 100%.

### **2.3.2. Cải thiện tình trạng dinh dưỡng trẻ em:**

Tiếp tục duy trì các hoạt động truyền thông, giám sát theo dõi cân nặng trẻ em dưới 2 tuổi định kỳ, kết hợp với các ban ngành đoàn thể tổ chức truyền thông về dinh dưỡng. Tiếp tục thực hiện lồng ghép hoạt động của chương trình phòng chống SDD với các hoạt động khác: Tiêm chủng mở rộng, Chăm sóc sức khỏe sinh sản, Dân số-KHHGD... Qua kết quả điều tra của Trung tâm Y tế dự phòng tỉnh, tỷ lệ suy dinh dưỡng trẻ em dưới 05 tuổi thể nhẹ cân (cân nặng/tuổi): 11,5%, giảm 1,1 % so với năm 2016. Thực hiện cho trẻ 6 -36 tháng tuổi uống vitamine A liều dự phòng: 86.509 cháu đạt 99% đối tượng.

### **2.3.3. Dân số và Kế hoạch hóa gia đình:**

Tổ chức hội nghị tổng kết công tác Dân số - KHHGD năm 2016, triển khai kế hoạch năm 2017. Tăng cường kiểm tra, củng cố hoạt động các Trung tâm Dân số - KHHGD huyện. Tổ chức triển khai chiến dịch tăng cường truyền thông vận động lồng ghép dịch vụ KHHGD đến vùng đông dân, vùng có mức sinh cao, vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Đảm bảo hậu cần và cung cấp dịch vụ KHHGD, tăng cường cung cấp phương tiện tránh thai tiếp thị xã hội, thực hiện mô hình tư vấn và khám sức khỏe tiền hôn nhân tại huyện, thị, thành phố và cơ sở. Phối hợp với Tổ chức PSI triển khai Dự án “Mở rộng lựa chọn tránh thai cho phụ nữ chưa được tiếp cận”. Xây dựng và trình Ủy ban nhân dân tỉnh Đề án kiểm soát mất cân bằng giới tính khi sinh giai đoạn 2017-2025; Đề án Chăm sóc sức khỏe người cao tuổi giai đoạn 2017 – 2025; Phê duyệt Đề án tăng cường cung cấp dịch vụ Dân số - KHHGD cho vị thành niên, thanh niên giai đoạn 2017 – 2020.

#### **Thực hiện đề án sàng lọc trước sinh, sàng lọc sơ sinh:**

- Số bà mẹ được sàng lọc trước sinh: 15.976 người (46,44% phụ nữ mang thai) đạt 173,28% KH.

- Số trẻ sơ sinh được sàng lọc sơ sinh: 6.277 trẻ (18,24% số trẻ sơ sinh) đạt 194,03% KH.

#### **Tình hình thực hiện các biện pháp tránh thai:**

Biện pháp tránh thai hiện đại	Chỉ tiêu 2017	Ước TH 2017	Tỷ lệ đạt so KH
Số người sử dụng dụng cụ tử cung mới	20.000	23.112	115,56%
Số người đình sản mới	600	755	125,83%
Số người sử dụng thuốc cấy tránh thai	500	388	77,6%
Số người sử dụng thuốc viên tránh thai	110.000	117.574	106,89%
Số người sử dụng thuốc tiêm tránh thai	13.500	13.685	101,37%
Số người sử dụng bao cao su tránh thai	36.500	37.501	102,74%
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>181.100</b>	<b>193.015</b>	<b>106,58%</b>

Nhìn chung công tác Dân số - KHHGD tiếp tục được đẩy mạnh, thực hiện đạt các chỉ tiêu về dịch vụ KHHGD của năm 2017. Ước tính năm 2017 giảm tỷ lệ tăng dân số tự nhiên còn 0,91%, tỷ lệ giới tính khi sinh: 108.

### **2.4. Dự án An toàn thực phẩm:**

Trong năm 2017, có 03 vụ ngộ độc thực phẩm với 453 người mắc, không có tử vong, gồm: 01 vụ xảy ra ngày 22/02/2017 tại trường tiểu học B thị trấn ba Chúc - huyện Tri Tôn với 24 ca mắc do nhiễm vi sinh, 01 vụ ngày 01/7/2017 tại công ty TNHH An Giang SAMHO, khu công nghiệp Bình Hòa - huyện Châu Thành với 415 ca mắc do ăn phải thức ăn bị nhiễm vi sinh, 01 vụ ngày 22/11/2017 tại Công ty TNHH KOVIE VINA, khu công nghiệp Bình Long - huyện Châu Phú với 14 ca mắc. Ngành Y tế đã kết hợp các địa phương, các ngành chức năng tổ chức điều trị kịp thời cho các nạn nhân, điều tra xử lý khắc phục hậu quả. So với năm 2016, số vụ NĐTP ít hơn 01 vụ, tuy nhiên số người mắc NĐTP nhiều hơn 397 người (năm 2016 có 04 vụ NĐTP với 56 người mắc, không có tử vong).

Ngành Y tế đã kết hợp các ngành chức năng thực hiện thanh, kiểm tra **12.968** cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm và dịch vụ ăn uống. Qua kết quả kiểm tra, tỷ lệ cơ sở đạt tiêu chuẩn VSATTP chung là **76,49%**, cụ thể:

	Số cơ sở được Kiểm tra	Số cơ sở đạt VSATTP	Tỷ lệ cơ sở đạt tiêu chuẩn VSATTP (%)
Cơ sở SX, chế biến TP	1.028	607	59,04
Cơ sở kinh doanh thực phẩm	2.855	2.137	74,85
Cơ sở dịch vụ ăn uống	9.085	7.175	78,98
<b>Cộng</b>	<b>12.968</b>	<b>9.919</b>	<b>76,49</b>

Qua kiểm tra, đã xử lý vi phạm 552 cơ sở (gồm: đóng cửa: 02, cảnh cáo 159 cơ sở, phạt tiền 345 cơ sở với số tiền: 602,822 triệu đồng, hủy sản phẩm 37 cơ sở, khắc phục về nhãn: 14, chuyển hồ sơ cơ quan khác xử lý: 02), nhắc nhở khắc phục: 2.497 cơ sở. Đa số các cơ sở vi phạm về điều kiện con người như: tập huấn kiến thức ATVSTP, khám sức khỏe; tiếp theo là điều kiện vệ sinh cơ sở và điều kiện trang thiết bị dụng cụ. Ngành tổ chức thực hiện tốt các đợt kiểm tra vệ sinh an toàn thực phẩm phục vụ Tết Nguyên Đán, các Hội nghị, các lễ hội...Kết hợp liên ngành với ngành Thú y kiểm tra thực phẩm gia cầm tại các chợ. Tổ chức 320 lớp tập huấn về kiến thức vệ sinh an toàn thực phẩm cho các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm, tổ chức 01 cuộc hội thảo, truyền hình: 46 buổi, phát thanh 13.030 lượt, nói chuyện chuyên đề về VSATTP 594 buổi với 11.270 người tham dự... Thực hiện cấp chứng nhận đủ điều kiện VSATTP cho 689 cơ sở (cơ sở sản xuất: 83, dịch vụ ăn uống: 597, kinh doanh thực phẩm: 08), cấp xác nhận công bố phù hợp quy định ATTP cho 338 cơ sở với 479 hồ sơ, giấy tiếp nhận công bố hợp quy cho 71 cơ sở với 153 hồ sơ.

Thực hiện Luật An toàn thực phẩm, Chỉ thị số 13/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ, Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành Quyết định số 1073/QĐ-UBND ngày 07/4/2017 về việc kiện toàn Ban Chỉ đạo liên ngành về vệ sinh an toàn thực phẩm tỉnh An Giang

Nhìn chung công tác vệ sinh an toàn thực phẩm trong năm 2017 đã thực hiện tốt các chỉ tiêu kế hoạch, công tác thanh kiểm tra VSATTP được đẩy mạnh, xử lý kịp thời các vụ ngộ độc thực phẩm. Tuy nhiên, cùng với việc phát triển các khu, cụm công nghiệp, luôn có nguy cơ tiềm ẩn xảy ra ngộ độc thực phẩm tại các bữa ăn tập thể với số lượng nhiều người mắc, cần tăng cường tuyên truyền, nâng cao ý thức chấp hành các điều kiện quy định về VSATTP của các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm, các doanh nghiệp, kiểm tra, giám sát thường xuyên.

## **2.5. Dự án Phòng chống HIV/AIDS:**

Tính đến ngày 31/12/2017 số liệu cụ thể về HIV/AIDS như sau:

	01/01/2016 đến 31/12/2016	01/01/2017 đến 31/12/2017	Lũy tích từ 1993 đến 31/12/2017
Số người nhiễm HIV	351	312	11.159
Số bệnh nhân AIDS	233	142	8.697
Số tử vong	85	73	5.039

Tình hình HIV/AIDS tiếp tục có chuyển biến giảm, so với năm 2016, số phát hiện HIV mới giảm 39 ca (giảm 11,11%), số bệnh nhân AIDS giảm 91 ca (giảm 39,1%), số tử vong giảm 12 ca (giảm 14,12%). Ngành Y tế đã duy trì tốt các hoạt động quản lý, chăm sóc, tư vấn người nhiễm HIV, đẩy mạnh công tác truyền thông, tư vấn xét nghiệm tự nguyện, các chương trình can thiệp giảm thiểu tác hại, chăm sóc hỗ trợ người nhiễm, phòng lây truyền HIV từ mẹ sang con, quản lý điều trị các bệnh lây truyền qua đường tình dục, đảm bảo an toàn truyền máu. Duy trì thực hiện chương trình điều trị cai nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng Methadone tại Tp Long Xuyên, Tp Châu Đốc, Thị xã Tân Châu và cơ sở cấp phát thuốc tại huyện Châu Phú. Duy trì công tác chuyển bệnh nhân điều trị ARV về tuyến xã, phường. Tiếp tục thực hiện các dự án hợp tác phòng chống HIV/AIDS từ các nguồn tài trợ của Quỹ Toàn cầu, SMART-TA, VAAC-US.CDC,...

#### **2.6. Dự án Bảo đảm máu an toàn và phòng, chống một số bệnh lý huyết học:**

Ngành đã kết hợp với Hội Chữ thập đỏ tỉnh, các ban ngành, đoàn thể tiếp tục thực hiện vận động hiến máu tình nguyện. Từ đầu năm 2017 đến nay đã tiếp nhận tổng cộng 17.093 đơn vị máu hiến tình nguyện, tương đương 4.273 lít máu, đáp ứng nhu cầu sử dụng máu của các cơ sở điều trị trong tỉnh.

#### **2.7. Dự án Quân dân y kết hợp:**

Củng cố và phát triển mạng lưới kết hợp quân dân y, thực hiện tốt công tác kết hợp quân dân y trong phòng chống dịch bệnh, thực hiện các chương trình y tế, chuẩn bị đáp ứng các tình huống khẩn cấp, thiên tai, thảm họa. Cử cán bộ y tế tham dự lớp huấn luyện Chỉ huy trưởng - Chỉ huy phó Ban chỉ huy quân sự cơ quan tại trường Quân sự tỉnh An Giang. Tham gia diễn tập khu vực phòng thủ tại các huyện An Phú, Tri Tôn, Châu Phú.

#### **2.8. Dự án Theo dõi, kiểm tra, giám sát, đánh giá thực hiện chương trình và truyền thông y tế:**

Thường xuyên theo dõi giám sát định kỳ các hoạt động của các dự án thuộc Chương trình mục tiêu y tế - dân số. Công tác truyền thông giáo dục sức khỏe tiếp tục duy trì tốt hoạt động của mạng lưới truyền thông tại các tuyến, bám sát các mục tiêu của chương trình, dự án.

### **3. Công tác khám chữa bệnh:**

Chỉ đạo các bệnh viện tiếp tục thực hiện đề án “Cử cán bộ chuyên môn luân phiên từ bệnh viện tuyến trên về hỗ trợ các bệnh viện tuyến dưới” nhằm nâng cao chất lượng khám chữa bệnh, thực hiện bộ tiêu chí đánh giá chất lượng bệnh viện của Bộ Y tế. Kết hợp với Bệnh viện Đại học Y dược TP. HCM, Viện tim TP. HCM tổ chức Hội thảo Đề án “Phát triển mạng lưới phòng chống đột quỵ, bệnh mạch vành cấp”. Chuẩn bị điều kiện cho Bệnh viện đa khoa khu vực Châu Đốc làm bệnh viện vệ tinh cho Bệnh viện Thống Nhất về chuyên khoa tim mạch. Triển khai thực hiện phẫu thuật tim hở tại Bệnh viện Tim mạch An Giang. Triển khai Hỗ trợ khám chữa bệnh từ xa qua hệ thống robot. Duy trì và đảm bảo tốt các hoạt động khám chữa bệnh, các bệnh viện duy trì tốt công tác chỉ đạo

tuyến, tổ chức phục vụ tốt cấp cứu, khám chữa bệnh trong dịp Tết Nguyên Đán Đinh Dậu, các ngày nghỉ lễ.

Thực hiện chỉ tiêu khám chữa bệnh năm 2017:

Mục tiêu - chỉ tiêu	ĐV tính	KH 2017	Ước TH năm 2017	Tỷ lệ đạt so KH
Tổng số lần khám chung	Lần	11.036.460	11.087.000	100,5%
Bình quân số lần khám/ người dân	Lần	5,1	5,12	
Tổng số lần khám bệnh	Lần	9.521.600	9.530.000	100,1%
B/quân số lần khám bệnh /người dân	Lần	4,4	4,4	
Số người điều trị nội trú (*)	Người	303.500	309.000	101,8%
Tỷ lệ điều trị khỏi bệnh ra viện	%	80	82,2	
Tỷ lệ tử vong chung tại bệnh viện	%	0,3	0,27	

(\*) Số bệnh nhân điều trị nội trú: không tính trạm Y tế xã

Ngành Y tế đã kết hợp với Bảo hiểm xã hội tỉnh tiếp tục thực hiện tốt khám chữa bệnh Bảo hiểm Y tế. Tiếp tục thực hiện chương trình đem lại ánh sáng cho người mù nghèo<sup>2</sup>, kết hợp với Hội Chữ thập đỏ tỉnh, các ban ngành, đoàn thể tiếp tục thực hiện vận động hiến máu tình nguyện<sup>3</sup> đảm bảo nhu cầu điều trị các cơ sở điều trị.

Tiếp tục thực hiện đề án Thực hiện chính sách quốc gia về Y Dược học cổ truyền tỉnh An Giang. Phối hợp với Hội Đông y tỉnh phổ biến kiến thức khám chữa bệnh thông thường bằng YHCT ở tuyến cơ sở, vận động nhân dân trồng và sử dụng thuốc nam để tự phòng và chữa các bệnh chứng thông thường tại gia đình và cộng đồng. Các bệnh viện, Phòng khám khu vực, Trạm Y tế xã đều duy trì vườn thuốc nam mẫu để hướng dẫn người dân sử dụng. Mạng lưới YHCT duy trì tốt các mặt hoạt động kết hợp YHCT và Y học hiện đại chăm sóc sức khỏe nhân dân, 02 bệnh viện đa khoa tỉnh có khoa YHCT, 10 BV đa khoa huyện có Tổ YHCT, 151/156 Trạm Y tế có lồng ghép hoạt động YHCT tại trạm, toàn tỉnh có 145 xã đạt chuẩn xã tiên tiến về YHCT (đạt 92,95% số xã).

#### 4. Công tác Dược và trang thiết bị y tế:

Triển khai thực hiện Kế hoạch thực hiện Chiến lược phát triển ngành Dược tỉnh An Giang giai đoạn 2016-2020 và tầm nhìn đến năm 2030. Tổ chức đấu thầu tập trung mua thuốc, sinh phẩm, hóa chất, vật tư y tế năm 2017 cho các cơ sở y tế trong tỉnh. Tổ chức kiểm tra chuyên đề sử dụng kháng sinh, chấn chỉnh công tác cung ứng, sử dụng thuốc trong bệnh viện. Quản lý các hoạt động liên quan đến thuốc gây nghiện, hướng tâm thần và tiền chất dùng làm thuốc. Tổ chức triển khai thực hiện Nghị định số 54/2017/NĐ-CP ngày 08/5/2017 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Dược cho người hành nghề và các cơ sở y tế có liên quan. Thẩm định và cấp phép hoạt động cho các nhà thuốc, quầy thuốc đạt chuẩn GPP, cơ sở đủ điều kiện sản xuất thuốc từ dược liệu. Báo cáo công tác dược, công bố sản phẩm mỹ phẩm cho Bộ Y tế. Tiếp nhận cấp phép thông tin quảng cáo thuốc và mỹ phẩm.

Công tác kiểm nghiệm Dược phẩm - Mỹ phẩm: duy trì các mặt hoạt động kiểm tra chất lượng thuốc và mỹ phẩm trên địa bàn. Trong năm 2017 tổng số mẫu kiểm nghiệm là 650 mẫu, trong đó có 42 mẫu yêu cầu và 608 mẫu kiểm tra (đạt 102,3% KH).

<sup>2</sup> Thực hiện phẫu thuật mắt miễn phí cho 1.002 người đạt 100% chỉ tiêu KH năm với tổng kinh phí trị giá khoảng 501 triệu đồng.

<sup>3</sup> Tiếp nhận tổng cộng 17.093 đơn vị máu ( tương đương 4.273 lít máu).

Trong tổng số mẫu kiểm tra (gồm 123 mẫu đông dược, dược liệu, 419 mẫu tân dược, 66 mẫu mỹ phẩm) phát hiện 04 mẫu tân dược và 02 mẫu thuốc đông dược không đạt yêu cầu chất lượng theo tiêu chuẩn qui định (chiếm tỷ lệ 0,99%), chưa phát hiện mẫu giả. Nhìn chung tình hình chất lượng thuốc, mỹ phẩm trên địa bàn tỉnh An Giang các tháng đầu năm nhìn chung là tốt.

Thực hiện đấu thầu mua sắm trang thiết bị y tế tập trung trong ngành Y tế cho các đơn vị y tế trực thuộc. Thực hiện điều chuyển các trang thiết bị chưa sử dụng tại các Trung tâm Y tế huyện, thị, thành phố. Tiếp nhận xe cứu thương của ngân hàng BIDV tài trợ cho các Bệnh viện đa khoa huyện: Châu Phú, Chợ Mới, Phú Tân, Thoại Sơn.

### **III. Thực hiện các công tác trọng tâm khác:**

#### **1. Xây dựng cơ bản:**

Tiếp tục thực hiện các dự án chuyển tiếp: Bệnh viện ĐKKV Châu Đốc (500 giường), bệnh viện đa khoa huyện An Phú (giai đoạn 2), Mở rộng Bệnh viện Tim mạch An Giang (điểm cũ), Đầu tư trang thiết bị cho Phòng phẫu thuật tim mạch thuộc Bệnh viện Tim mạch An Giang, Trụ sở 04 đơn vị Trung tâm: Y tế dự phòng, Kiểm nghiệm Dược phẩm - Mỹ phẩm, Truyền thông giáo dục sức khỏe, Giám định y khoa. Triển khai thực hiện 01 dự án mới: Khu nhà vệ sinh công cộng Bệnh viện đa khoa huyện Châu Phú. Hoàn thành các hạng mục Dự án Xử lý chất thải y tế Bệnh viện Sản Nhi và Bệnh viện đa khoa khu vực Tân Châu

Tổng vốn XSKT được bố trí cho các dự án do Sở Y tế làm chủ đầu tư: 71.086 triệu đồng (trong đó vốn KH năm 2017: 63.120 triệu đồng, vốn năm 2016 chuyển sang toán năm 2017: 7.966 triệu đồng). Ước tính giải ngân năm 2017: 70.920 triệu đồng đạt 99,77% KH vốn (trong đó vốn kéo dài 2016: 7.966 triệu đồng đạt 100% KH, vốn KH năm 2017: 62.954 triệu đồng đạt 99,74% KH vốn).

#### **2. Hợp tác Quốc tế:**

Tổ chức Hội nghị tổng kết hoạt động dự án “Hỗ trợ hệ thống y tế” do Quỹ Toàn cầu tài trợ. Tiếp tục thực hiện dự án sức khỏe sinh sản, các chương trình Hợp tác nghiên cứu về Sốt xuất huyết, các dự án phòng chống HIV/AIDS từ các nguồn tài trợ của quỹ toàn cầu, FHI., PSI..., hợp tác với các tỉnh giáp biên giới của Vương quốc Campuchia về Kiểm dịch y tế biên giới, phòng chống các dịch bệnh truyền nhiễm nguy hiểm, hỗ trợ khám chữa bệnh cho người dân Campuchia sang điều trị. Tiếp nhận Dự án “An ninh y tế khu vực tiểu vùng Mê Kông mở rộng” do Ngân hàng Phát triển châu Á tài trợ.

#### **3. Nhân lực y tế:**

Tổng số nhân lực y tế công lập năm 2017 là: 6.859 người (tăng 77 người so với năm 2016), trong đó:

- Số cán bộ y tế là: 5.664 người, trong đó có 1.132 bác sỹ (gồm: 02 Tiến sỹ, 64 Thạc sỹ, 71 BS chuyên khoa 2, 398 BS chuyên khoa 1, 597 BS), 196 Dược sỹ (gồm: 03 Thạc sỹ, 04 DS chuyên khoa 2, 44 DS chuyên khoa 1, 145 DSDH), 1.134 Y sỹ, 1.721 Điều dưỡng-Y tá, 587 Nữ hộ sinh, 217 Kỹ thuật viên, 650 DSTH, 26 Dược tá, 01 Lương Y. Cán bộ chuyên môn có trình độ sau đại học: 586 người (chiếm tỷ lệ 10,35%), đại học: 1.017 người (17,96%), cao đẳng: 46 người (0,81%), trung học: 3.855 người (68,06%), sơ học: 160 (2,82%).

- Số cán bộ khác: 1.195 người (trên ĐH: 04, ĐH: 365, TH: 228, khác: 607).

Ngành đã chủ động kết hợp các trường Đại học Y Dược Tp Hồ Chí Minh, Cần Thơ, Đại học Trà Vinh, Cửu Long trong đào tạo cán bộ y tế. Trong năm 2017, đã cử đào tạo sau đại học: 112 cán bộ y tế (Thạc sỹ: 07, Chuyên khoa I: 77, Chuyên khoa II: 28); Đào tạo đại học chính quy theo địa chỉ sử dụng: 67 người (Bác sỹ đa khoa: 48, Bác sỹ

YHCT: 03, Dược sỹ: 04, BS chuyên ngành hiếm: 12); Đào tạo đại học chính quy tuyển thẳng: 08 người (BS đa khoa); Đào tạo đại học hệ liên thông: 70 cán bộ y tế, trong đó diện đào tạo theo địa chỉ sử dụng: 30 cán bộ y tế và diện trong ngân sách là 40 cán bộ y tế (BS đa khoa: 24, BS YHCT: 01, CN Điều dưỡng: 31, CN Hộ sinh: 03, CN Y tế công cộng: 01, CN Chẩn đoán hình ảnh: 06, CN Gây mê hồi sức: 04). Tổ chức các lớp đào tạo liên tục chuyên đề “Giám sát kỹ năng sử dụng thuốc hợp lý” cho 67 người, chuyên đề “Phương pháp sơ phạm y học cơ bản” cho 30 người và chuyên đề “Hướng dẫn xây dựng phác đồ điều trị” cho 50 người.

#### IV. Tài chính y tế

Đv tính: triệu đồng

TT	Nội dung	Dự toán 2017	Ước TH 2017	Tỷ lệ So ước TH 2017
	<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>1.900.361</b>	<b>1.915.895</b>	<b>100,82</b>
<b>I</b>	<b>Ngân sách cấp</b>	<b>566.501</b>	<b>620.375</b>	<b>109,51</b>
	<b>1. Đầu tư phát triển (*)</b>	<b>63.120</b>	<b>63.120</b>	<b>100</b>
	- Kinh phí địa phương	63.120	63.120	100
	<b>2. Kinh phí sự nghiệp - hành chính:</b>	<b>505.381</b>	<b>557.255</b>	<b>100,26</b>
	<b>2.1. Kinh phí Sự nghiệp</b>	<b>472.940</b>	<b>532.825</b>	<b>112,66</b>
	- Sự nghiệp y tế tuyến tỉnh	178.645	238.530	133,52
	Trong đó: + Bệnh viện	108.450	108.450	100
	+ Hệ Y tế dự phòng	43.123	43.123	100
	+ Y tế khác	27.072	86.957	321,21
	- Sự nghiệp Y tế tuyến huyện	273.524	273.524	100
	Trong đó: + Bệnh viện	108.750	108.750	100
	+ Hệ Y tế dự phòng	50.659	50.659	100
	+ Sự nghiệp y tế tuyến xã	114.115	114.115	100
	- Sự nghiệp Dân số	20.621	20.621	100
	- Sự nghiệp y tế khác	150	150	100
	<b>2.2. Quản lý hành chính:</b>	<b>7.786</b>	<b>7.786</b>	<b>100</b>
	- Sở Y tế	4.765	4.765	100
	- Chi cục Dân số	1.621	1.621	100
	- Chi cục VSATTP	1.400	1.400	100
	<b>2.3. CT Mục tiêu y tế - dân số</b>	<b>24.655</b>	<b>16.644</b>	<b>73,47</b>
	Trong đó kinh phí TW (***)	22.655	16.644	73,47
<b>II</b>	<b>Thu sự nghiệp (Viện phí, học phí, phí )</b>	<b>1.333.860</b>	<b>1.295.520</b>	<b>97,13</b>
	- Viện phí (cả tiền thuốc)	1.225.000	1.218.380	99,46
	Trong đó: + Tiền thuốc	700.000	583.380	83,34
	+ Viện phí	525.000	635.000	120,95
	- Thu phí...	14.160	17.110	120,83
	- Thu dịch vụ...	94.700	60.030	63,39

(\*) Vốn đầu tư phát triển tính tổng cộng các dự án thuộc lĩnh vực Y tế-dân số: 179,503 tỷ đồng, trong đó KH năm 2017 Sở Y tế làm chủ đầu tư 06 dự án với vốn KH phân bổ năm 2017: 63,120 tỷ đồng (vốn XSKT năm 2017).

(\*\*) Vốn CTMTYT-DS của TW: 16.644 triệu đồng đến cuối năm 2017 mới có thông báo vốn của Bộ tài chính nên chưa sử dụng, đang trình UBND tỉnh cho chuyển sang năm 2018).

Tổng ngân sách y tế năm 2017 ước tính là: **1.915,895** tỷ đồng đạt 100,82% so dự toán kế hoạch, trong đó:

- Ngân sách cấp: **620,375** tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 32,38%, trong đó:

+ Chi đầu tư phát triển: **63,120** tỷ đồng, đạt 100% KH vốn (06 dự án do Sở Y tế làm chủ đầu tư).

+ Chi hành chính, sự nghiệp **557,255** tỷ đồng, đạt 100,26% so với dự toán năm, chủ yếu do tăng kinh phí bổ sung đầu tư trang thiết bị cấp thiết cho các bệnh viện trong tỉnh là 59,885 tỷ đồng. Riêng kinh phí Chương trình mục tiêu Y tế - Dân số chỉ đạt 73,47% KH.

- Các khoản thu: **1.295,520** tỷ đồng (trong đó tiền thuốc: 583,380 tỷ đồng), chiếm tỷ trọng 67,62% tổng ngân sách y tế, đạt 97,13% so dự toán, so với năm 2016, tăng 83,532 tỷ đồng (tăng 6,89%). Thu viện phí (không tính tiền thuốc): 635 tỷ đồng, đạt 120,95% so dự toán, tăng 140,568 tỷ đồng so với năm 2016 (tăng 28,43%), trong đó các BV tuyến tỉnh thu 501,5 tỷ đồng, tăng 127,097 tỷ đồng (tăng 33,94%), đạt 122,02% dự toán; các BV tuyến huyện thu 133,5 tỷ đồng, tăng 13,471 tỷ đồng so với năm 2016 (tăng 11,22%), đạt 117,11% dự toán. Thu phí, lệ phí: 17,110 tỷ đồng đạt 120,83 % dự toán; thu dịch vụ, khác: 60,030 tỷ đồng đạt 63,39% dự toán.

Thu viện phí tăng so dự toán do tăng giá dịch vụ khám chữa bệnh theo Thông tư Liên tịch số 37/TTLT-BYT-BTC giúp các bệnh viện phần nào tháo gỡ khó khăn. Thu tiền thuốc chỉ đạt 83,34% dự toán do giao dự toán chưa sát và một phần do cạnh tranh trong công tác đấu thầu có yếu tố tác động giảm giá thuốc. Thu tiền dịch vụ, khác...60,030 tỷ so dự toán năm 2017 chỉ đạt 63,39% do giao dự toán chưa sát.

Nhìn chung tình hình thu chi ngân sách năm 2017 thực hiện đạt kết quả khá tốt, ngành Y tế thực hiện tốt chủ trương tiết kiệm chi tiêu ngân sách phục vụ mục tiêu kiềm chế lạm phát.

Định mức phân bổ dự toán 75 triệu đồng/giường bệnh/năm cho bệnh viện chỉ đáp ứng chi con người, các khoản chi hoạt động còn lại, bù đắp từ nguồn thu viện phí... của bệnh viện. Tuy nhiên, trong năm giá thu theo Thông tư Liên tịch số: 37/TT-LT/BYT-BTC của liên bộ Y tế, Tài chính chỉ kết cấu chi phí tiền lương, theo chỉ đạo của bộ Tài chính tại Công văn số: 12256/BTC-NSNN ngày 14/9/2017 thực hiện kết cấu lại nguồn ngân sách địa phương chi cho sự nghiệp y tế, ước thực hiện giảm chi hoạt động thường xuyên đối với các đơn vị y tế công lập làm nhiệm vụ khám chữa bệnh năm 2017. Thực hiện giảm chi NSNN của ngành Y tế sẽ gặp khó khăn bước đầu; đồng thời trong khâu tính toán để xác định số phải giảm chi là bao nhiêu, cơ sở tính toán như thế nào chưa được hướng dẫn rõ.

Chi sự nghiệp hệ Y tế dự phòng (không tính kinh phí chương trình mục tiêu quốc gia của TW cấp) chiếm khoảng 30,29% tổng kinh phí sự nghiệp (năm 2011 là 21%, năm 2012 là 23,6%, năm 2013 là 26,54%, 2014 là 26,24%, 2015: 22,74%, 2016: 26,44%).

Hệ y tế xã, phường...chi con người chiếm bình quân 90%, định mức phân bổ dự toán 60 triệu đồng/trạm/năm ngoài khoản chi con người. Kinh phí ngân sách cấp nâng cấp, sửa chữa các trạm y tế năm 2017 là 2,4 tỷ.

Hệ Dân số đảm bảo hoạt động bình thường. Kinh phí chi hành chính đảm bảo hoạt động bình thường.

Tuy nhiên, tình hình ngân sách y tế năm 2017 cũng có nhiều khó khăn trong quản lý điều hành do nguồn kinh phí của Trung ương cấp cho Chương trình mục tiêu Y tế - Dân số đến cuối tháng 12/2017 mới có thông báo vốn của Bộ Tài chính, ảnh hưởng đến nhiều hoạt động của Chương trình mục tiêu Y tế - Dân số.

## **V. Công tác quản lý, điều hành**

### **1. Triển khai thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật, cơ chế chính sách**

- Thực hiện Quyết định số 2348/QĐ-TTg ngày 05/12/2006 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án Xây dựng và phát triển mạng lưới y tế cơ sở trong tình hình mới, Sở Y tế đã xây dựng và đang trình UBND tỉnh phê duyệt Kế hoạch thực hiện Đề án “Xây dựng và phát triển mạng lưới y tế cơ sở tỉnh An Giang trong tình hình mới giai đoạn 2016-2025”.

- Thực hiện Quyết định số 1125/QĐ-TTg ngày 31/7/2017 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu Y tế - Dân số giai đoạn 2016 – 2020, Sở Y tế đã xây dựng Kế hoạch và đã được UBND tỉnh phê duyệt Kế hoạch Chương trình Mục tiêu Y tế - Dân số tỉnh An Giang giai đoạn 2016 – 2020 (tại Quyết định số 3710/QĐ-UBND ngày 13/12/2017).

- Tổ chức thực hiện các văn bản pháp quy quan trọng đối với hoạt động của ngành như: Cơ chế hoạt động, cơ chế tài chính đối với các đơn vị sự nghiệp y tế công lập (Nghị định 85/2012/NĐ-CP), về y tế xã, phường, thị trấn (Nghị định 117/2014/NĐ-CP), bảo hiểm trách nhiệm trong khám bệnh, chữa bệnh (Nghị định 102/2011/NĐ-CP); Đề án Giảm tải bệnh viện giai đoạn 2013 – 2020 (Quyết định 92/2013/QĐ-TTg), thực hiện lộ trình tiến tới BHYT toàn dân giai đoạn 2012 – 2015 và 2020 (Quyết định 538/2013/QĐ-TTg), Đề án “Khuyến khích đào tạo và phát triển nhân lực y tế các chuyên ngành lao, phong, tâm thần, pháp y và giải phẫu bệnh giai đoạn 2013 – 2020 (Quyết định 319/2013/QĐ-TTg), thực hiện chế độ luân phiên có thời hạn đối với người hành nghề tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh (Quyết định 14/2013/QĐ-TTg), Nghị quyết 05/NQ-CP về đẩy mạnh việc thực hiện các mục tiêu Thiên niên kỷ, Nghị quyết 93/NQ-CP về cơ chế, chính sách phát triển y tế, v.v...

Tiếp tục đẩy mạnh thực hiện cơ chế tự chủ tài chính theo Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập và Nghị định số 85/2012/NĐ-CP ngày 15/10/2012 tại các đơn vị sự nghiệp, đến năm 2017 đã có 05 bệnh viện thực hiện tự chủ tài chính nhóm 2 (đảm bảo chi thường xuyên). Ngành Y tế tiếp tục triển khai thực hiện lộ trình khung giá theo hướng tính đúng, tính đủ các chi phí khám chữa bệnh. Triển khai thực hiện giá viện phí đối với người có thẻ bảo hiểm y tế theo Thông tư liên tịch số 37/2015/TTLT-BYT-BTC của liên bộ Y tế, Tài chính. Thực hiện Thông tư số 02/2017/TT-BYT ngày 15/03/2017 của Bộ Y tế, Sở Y tế đã tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết số 18/2017/NQ-HĐND ngày 14/7/2017 quy định giá dịch vụ khám, chữa bệnh không thuộc phạm vi thanh toán của quỹ bảo hiểm y tế tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của nhà nước do địa phương quản lý.

Phối hợp cùng Sở Tài chính hướng dẫn các đơn vị xây dựng Đề án đơn vị sự nghiệp công lập đủ điều kiện để Nhà nước xác định giá trị tài sản nhà nước giao đơn vị quản lý theo cơ chế giao vốn cho doanh nghiệp theo Thông tư số 23/2016/TT-BTC ngày 16/02/2016 của Bộ Tài chính.

### **2. Cải cách hành chính, tổ chức bộ máy:**

Sắp xếp lại cơ cấu tổ chức các phòng chuyên môn, nghiệp vụ của Sở Y tế và thực hiện bổ nhiệm, bổ nhiệm lại chức vụ lãnh đạo các phòng theo Quyết định số 25/2016/QĐ-UBND ngày 23/5/2016 của UBND tỉnh An Giang. Thực hiện bổ nhiệm, bổ nhiệm lại chức vụ lãnh đạo các đơn vị trực thuộc. Tiếp tục củng cố hoạt động tuyến y tế cơ sở, hoàn thành thực hiện Đề án sáp nhập 10 đơn vị: Bệnh viện đa khoa tuyến huyện và Trung tâm Y tế huyện thành Trung tâm Y tế huyện hai chức năng (điều trị và dự phòng);

triển khai thực hiện Đề án vị trí việc làm, củng cố công tác tuyển dụng tại các đơn vị y tế trực thuộc.

Tiếp tục đẩy mạnh thực hiện cải cách hành chính: Tiến hành rà soát các văn bản quy phạm pháp luật và đơn giản hóa thủ tục hành chính. Tiếp tục thực hiện tốt các hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin tại Sở Y tế: Cổng thông tin điện tử ngành y tế An Giang, phần mềm quản lý khám chữa bệnh. Tiếp tục triển khai thực hiện áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2008 tại Sở Y tế. Triển khai thực hiện Đề án “*Ứng dụng khoa học và công nghệ vào công tác hội chẩn, tư vấn, khám, chữa bệnh từ xa (Telehealth) tại các cơ sở y tế trên địa bàn tỉnh An Giang giai đoạn 2016-2020*” và tổ chức thực hiện ứng dụng Zoom Cloud Meeting trong hội họp, tập huấn trực tuyến. Kết hợp Viễn thông An Giang triển khai phần mềm VNPT-HIS.

### **3. Công tác thanh tra:**

Trong năm 2017, công tác Thanh tra triển khai thực hiện khá tốt kế hoạch, bám sát nội dung phương hướng, kế hoạch của ngành, phát hiện xử lý kịp thời các sai phạm, góp phần nâng cao chất lượng quản lý nhà nước về y tế.

**Thực hiện thanh kiểm tra:** thực hiện 30 cuộc tại 20 đơn vị, 306 cơ sở, 59 tổ chức, cụ thể như sau:

- Thanh tra hành chính: Thực hiện 10 cuộc tại 20 đơn vị, kết thúc 20 đơn vị với nội dung thanh tra về quy tắc ứng xử, quản lý thuốc, vắc-xin, sinh phẩm, chính sách BHYT, quản lý tài chính ngân sách, kinh phí chương trình mục tiêu, phòng chống tham nhũng.

- Thanh tra chuyên ngành: Thực hiện 20 cuộc tại 306 cơ sở và 59 tổ chức với nội dung thanh tra về hành nghề Dược - mỹ phẩm, khám chữa bệnh, an toàn thực phẩm, công tác y tế dự phòng, công tác Dân số.

#### ***Kết quả thanh kiểm tra:***

- Thanh tra hành chính: Số cơ sở vi phạm: 15, quy trách nhiệm bồi thường và chỉ đạo thu hồi nộp kho bạc nhà nước với tổng số tiền là 8.223.087 đồng, bồi thường 782.160 đồng, kiến nghị xử lý: 83 cá nhân, 08 đơn vị.

- Thanh tra chuyên ngành: Số cá nhân, tổ chức vi phạm: 33 cơ sở và 02 tổ chức với số tiền xử phạt là: 182.400.000 đồng.

**Công tác tiếp dân, giải quyết khiếu nại tố cáo:** Tiếp nhận và giải quyết 13 đơn, trong đó gồm: 05 đơn thuộc thẩm quyền đã được giải quyết, 08 đơn không thuộc thẩm quyền đã chuyển đến cơ quan có thẩm quyền giải quyết.

Ngoài ra Thanh tra Y tế còn tham gia đoàn Thanh tra của Thanh tra tỉnh, Đoàn kiểm tra của Ủy ban kiểm tra Tỉnh ủy, Đoàn giám sát thực hiện pháp luật lao động của LĐLĐ tỉnh.

### **4. Quản lý hành nghề Y, Dược tư nhân:**

Tiếp tục tăng cường công tác quản lý hành nghề y dược tư nhân, thực hiện tốt chính sách xã hội hoá, đồng thời tăng cường công tác thanh kiểm tra, chấn chỉnh kịp thời các sai phạm, nâng cao chất lượng hoạt động của mạng lưới hành nghề y tế tư nhân<sup>4</sup>. Các

---

<sup>4</sup> Đã xét cấp và cấp lại giấy chứng chỉ hành nghề Y: 834 cá nhân, hành nghề Dược: 278 cá nhân; cấp và cấp lại giấy phép hoạt động cho 164 cơ sở hành nghề Y, cấp và cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện hành nghề: 321 cơ sở Dược. Tổng số cơ sở hành nghề Y, Dược tư nhân: 3.502 cơ sở, gồm: 1.720 cơ sở hành nghề Y (trong đó có 04 BV tư nhân với 430 giường bệnh), 1.555 cơ sở hành nghề Dược và 227 cơ sở hành nghề YHCT, Số giường bệnh bệnh

bệnh viện đa khoa tư nhân tiếp tục đầu tư nâng cấp cơ sở vật chất, phát triển quy mô. Các bệnh viện công lập tiếp tục giữ vai trò chủ đạo, thực hiện tốt việc hỗ trợ chuyên môn kỹ thuật và đào tạo cho các cơ sở hành nghề Y ngoài công lập.

## **5. Nâng cao đạo đức nghề nghiệp, quy tắc ứng xử và thi đua khen thưởng**

Tiếp tục nâng cao tinh thần trách nhiệm, đạo đức nghề nghiệp của cán bộ y tế thông qua việc đẩy mạnh thực hiện Chỉ thị 03/CT-BYT ngày 01/4/2013 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc tăng cường các giải pháp thực hiện tốt quy tắc ứng xử, nâng cao đạo đức nghề nghiệp, học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh tại các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh. Thực hiện Thông tư số 25/2015/TT-BYT ngày 01/10/2015 của Bộ Y tế quy định về hòm thư góp ý tại các cơ sở y tế; Quyết định số 2151/QĐ-BYT ngày 04/6/2015 của Bộ Y tế về việc phê duyệt Kế hoạch triển khai thực hiện “Đổi mới phong cách, thái độ phục vụ của cán bộ y tế hướng tới sự hài lòng của người bệnh”.

## **VI. NHẬN XÉT:**

### **1. Mặt đạt được:**

Nhìn chung, trong năm 2017, Ngành đã tập trung chỉ đạo và triển khai thực hiện các nhiệm vụ và đạt được những chỉ tiêu cơ bản:

- Mạng lưới Y tế ở cả 3 tuyến được củng cố và tiếp tục phát triển, đáp ứng nhu cầu chăm sóc sức khỏe nhân dân. Tiếp tục ổn định tổ chức và hoạt động hệ thống y tế, dân số tuyến huyện, tham mưu UBND tỉnh phê duyệt và triển khai thực hiện hoàn thành Đề án sáp nhập Bệnh viện đa khoa huyện và Trung tâm Y tế huyện thành Trung tâm Y tế huyện 02 chức năng: khám chữa bệnh và y tế dự phòng.

- Ngành Y tế được quan tâm đầu tư phát triển cơ sở vật chất, nâng cấp trang thiết bị cho các cơ sở y tế, đào tạo phát triển nguồn nhân lực y tế, từ đó đã từng bước nâng cao chất lượng dịch vụ y tế. Y tế cơ sở được củng cố nâng cao chất lượng hoạt động, thực hiện tốt nhiệm vụ chăm sóc sức khỏe ban đầu tại địa phương. Công tác bảo vệ và chăm sóc sức khỏe nhân dân đã đạt được những thành tựu quan trọng. Mạng lưới y tế được củng cố ổn định, chất lượng hoạt động được nâng cao, các chỉ số sức khỏe của cộng đồng được nâng lên.

- Chủ động trong công tác y tế dự phòng, thực hiện tốt công tác phòng chống dịch bệnh Sốt xuất huyết, Zika, Tay chân miệng, Cúm A/H5N1, các bệnh nhiễm trùng đường tiêu hóa, hạn chế được số mắc các bệnh truyền nhiễm lưu hành, không để phát triển thành dịch lớn, không để các dịch bệnh mới phát sinh. Trong điều kiện khó khăn về nguồn kinh phí, vẫn tổ chức thực hiện tốt chương trình mục tiêu y tế - dân số, tiếp tục củng cố nâng cao chất lượng hoạt động y tế cơ sở.

- Đạt các chỉ tiêu cơ bản về khám chữa bệnh, chăm sóc sức khỏe sinh sản, Dân số - KHHGD, triển khai thực hiện phẫu thuật tim hở tại Bệnh viện Tim mạch An Giang. Mạng lưới Y học cổ truyền tiếp tục được củng cố đáp ứng được nhu cầu chăm sóc sức khỏe nhân dân. Thực hiện tốt hoạt động khám chữa bệnh cho người nghèo, trẻ em dưới 6 tuổi. Tiếp tục thực hiện tốt chương trình *Đem lại ánh sáng cho người mù nghèo*, chương trình hiến máu tình nguyện.

- Thực hiện tốt công tác đấu thầu thuốc, hóa chất, vật tư y tế tập trung năm 2017.

- Thực hiện đạt tiến độ các đầu công việc theo Chương trình công tác của UBND tỉnh giao cho ngành.

---

Bệnh viện tư chiếm 10,98% tổng số giường bệnh toàn tỉnh (không tính Trạm Y tế xã). Trong năm 2017 Bộ Y tế đã thẩm định BV chuyên khoa Mắt Long Xuyên quy mô 10 giường, cơ sở này đang hoàn chỉnh hồ sơ xin cấp phép.

- Tiếp tục đẩy mạnh thực hiện cơ chế tự chủ tài chính các đơn vị sự nghiệp trong ngành Y tế.

- Công tác thanh kiểm tra được tăng cường, phát hiện xử lý, uốn nắn kịp thời những sai sót yếu kém trong các lĩnh vực hoạt động của Ngành và hoạt động hành nghề Y, Dược tư nhân.

## **2. Khó khăn – hạn chế:**

- Tình hình dịch bệnh diễn biến phức tạp, ngoài các bệnh lưu hành ở địa phương luôn có nguy cơ bùng phát: Tay chân miệng, SXH... ngành Y tế còn phải tập trung phòng chống nguy cơ lây truyền của một số dịch bệnh mới phát sinh. Nguy cơ tiềm ẩn của ngộ độc thực phẩm với số đông người mắc đối với bếp ăn tập thể tại các khu cụm công nghiệp, do đó công tác quản lý an toàn thực phẩm cần có sự quan tâm phối hợp chặt chẽ hơn giữa các sở ngành chức năng. kinh phí hỗ trợ của TW cho các chương trình mục tiêu y tế - dân số năm 2017 đến cuối năm mới được phân bổ, ảnh hưởng rất lớn đến hoạt động của các chương trình và hoạt động của hệ y tế dự phòng.

- Nhân lực ngành y tế vẫn còn thiếu, cơ cấu chưa hợp lý, chưa đáp ứng kịp thời với nhu cầu phát triển, thiếu sự đồng bộ về đào tạo và sử dụng cán bộ y tế, đặc biệt là thiếu bác sỹ ở tuyến y tế cơ sở, một số lĩnh vực: y tế dự phòng, một số chuyên khoa Lao, Tâm thần..

- Về cung ứng dịch vụ y tế: Nhu cầu chăm sóc sức khỏe người dân ngày càng tăng về số lượng và chất lượng trong khi khả năng cung ứng dịch vụ y tế của ngành Y tế còn hạn chế, nhiều cơ sở y tế còn quá tải, cơ sở vật chất cần đầu tư xây dựng, cải tạo, nâng cấp, bổ sung trang thiết bị; việc kiểm soát chất lượng dịch vụ y tế tại một số đơn vị chưa chặt chẽ dẫn đến những thiếu sót trong điều trị, cung ứng dịch vụ y tế, một số ít cán bộ y tế chưa thực hiện tốt quy tắc ứng xử, y đức.

- Khó khăn lớn của ngành Y tế là phải đảm bảo công bằng, hiệu quả trong chăm sóc sức khỏe và phát triển trong bối cảnh nền kinh tế thị trường với nhiều chính sách tác động đa chiều đến y tế. Điều chỉnh cơ chế tài chính theo hướng công bằng, đảm bảo cân bằng giữa phát triển y tế cơ sở, chăm sóc sức khỏe ban đầu với việc phát triển y tế chuyên sâu trong bối cảnh chi tiêu công cho y tế còn thấp.

**Phần thứ Hai**  
**PHƯƠNG HƯỚNG NHIỆM VỤ NĂM 2018**

**I. Các chỉ tiêu tổng quát:**

STT	Chỉ số	TH năm 2016	TH năm 2017	KH năm 2018
<b>Chỉ tiêu đầu vào</b>				
1.	Số bác sỹ/10.000 dân (tính cả YT ngoài công lập)	6,4	6,8	7,1
	<i>Trong đó: số bác sỹ công lập/10.000 dân</i>	<i>4,85</i>	<i>4,94</i>	<i>4,98</i>
2.	Số DSDH/10.000 dân (tính cả YT ngoài công lập)	1,24	1,28	1,31
	<i>Trong đó số DSDH công lập/10.000 dân</i>	<i>0,76</i>	<i>0,78</i>	<i>0,81</i>
3	Tỷ lệ khám áp có nhân viên y tế hoạt động (%)	100	100	100
4.	Tỷ lệ Trạm Y tế xã có bác sỹ (%)	72,44	76	80
5.	Tỷ lệ TYT xã có nữ hộ sinh hoặc YS sản nhi (%)	100	100	100
6.	Số giường bệnh/10.000 dân (không tính trạm y tế)	18,12	19,69	20,25
	<i>Trong đó: + Giường bệnh viện công lập</i>	<i>16,13</i>	<i>17,7</i>	<i>18,36</i>
	<i>+ Giường bệnh viện tư nhân</i>	<i>1,99</i>	<i>1,99</i>	<i>1,98</i>
<b>Chỉ tiêu hoạt động</b>				
7.	Tỷ lệ trẻ em dưới 1 tuổi tiêm đầy đủ (%)	97,7	90,6	≥ 95
8.	Tỷ lệ xã đạt tiêu chí quốc gia về y tế (%)	41,67	58,84	83,33
9.	Tỷ lệ dân số tham gia BHYT (%)	70,72	76,5	81,5
<b>Chỉ tiêu đầu ra</b>				
10.	Tỷ số chết mẹ (trên 100.000 trẻ đẻ sống)	23,08	18,2	≤ 30
11.	Tỷ suất tử vong trẻ em dưới 1 tuổi/1.000 trẻ đẻ sống	6	6	6
12.	Tỷ suất tử vong trẻ em dưới 5 tuổi/1.000 trẻ đẻ sống	11,6	11,2	11
13.	Quy mô dân số (triệu người)	2,161	2,162	2,164
14.	Mức giảm tỷ lệ sinh (‰)	0,05	0,05	0,05
15.	Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên(%)	0,92	0,91	0,93
16.	Tỷ số giới tính khi sinh (trai/100 gái)	108,26	108	≤ 110
17.	Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi SDD (%)			
	- Cân nặng/ tuổi (%)	12,6	11,5	11,2
	- Chiều cao/ tuổi (%)	23,8	20,5	20,2
18.	Tỷ lệ hiện nhiễm HIV/AIDS trong cộng đồng (%)	0,269	0,283	< 0,3

**II. Các nhiệm vụ trọng tâm:**

Căn cứ theo Nghị quyết số 20-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương (Khóa XII) về tăng cường công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân trong tình hình mới, Nghị quyết số 21-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương (Khóa XII) về công tác dân số trong tình hình mới, Quyết định số 122/QĐ-TTg ngày 10/01/2013 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược quốc gia bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân giai đoạn 2011-2020, tầm nhìn đến năm 2030, các Chiến lược của lĩnh vực chuyên ngành; Kế hoạch số 139/KH-BYT của Bộ Y tế

ban hành kế hoạch bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân giai đoạn 2016-2020; điều kiện kinh tế xã hội của tỉnh, ngành Y tế An Giang đề ra các nhiệm vụ trọng tâm của kế hoạch năm 2018 như sau:

### **1. Củng cố và hoàn thiện tổ chức mạng lưới ngành y tế:**

- Xây dựng kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 20-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương (Khóa XII) về tăng cường công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân trong tình hình mới, Nghị quyết số 21-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương (Khóa XII) về công tác dân số trong tình hình mới.

- Kiện toàn và ổn định mô hình tổ chức hệ thống y tế từ tỉnh đến xã, ấp; vừa củng cố, kiện toàn mạng lưới y tế cơ sở, vừa phát triển các trung tâm y tế chuyên sâu; tăng cường đầu tư phát triển y tế công lập đi đôi với việc khuyến khích và tạo điều kiện phát triển y tế ngoài công lập; phát triển y học hiện đại gắn với y học cổ truyền. Tiếp tục thực hiện Đề án tổ chức, sắp xếp bộ máy các cơ quan, tổ chức hành chính, đơn vị sự nghiệp y tế y tế theo Quyết định số 820/QĐ-UBND của UBND tỉnh; thực hiện hoạt động các Trung tâm Y tế huyện hai chức năng theo Thông tư số 37/2016/TT-BYT ngày 25/10/2016 của bộ Y tế.

- Củng cố, phát triển mạng lưới y tế dự phòng theo hướng tập trung, thu gọn đầu mỗi đơn vị nhằm tăng cường hiệu quả và nâng cao chất lượng hoạt động, bảo đảm đủ khả năng dự báo, kiểm soát các bệnh lây nhiễm, bệnh không lây nhiễm và các bệnh liên quan đến môi trường, lối sống.

- Hoàn thiện và nâng cao chất lượng mạng lưới khám bệnh, chữa bệnh các tuyến, đẩy mạnh phát triển một số chuyên ngành bệnh viện tuyến tỉnh đã là bệnh viện vệ tinh của tuyến trên: Tim mạch, chấn thương chỉnh hình, ngoại tiêu hóa- gan mật, sản nhi. Tiếp tục đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị cho các trạm y tế xã, nâng cao chất lượng dịch vụ y tế trong chăm sóc sức khỏe ban đầu. Xây dựng cơ sở y tế kết hợp quân - dân y, đặc biệt là ở các khu vực biên giới. Củng cố, phát triển và hiện đại hóa mạng lưới vận chuyển cấp cứu ngoại viện trên địa bàn tỉnh.

- Triển khai thực hiện Đề án Y tế cơ sở, Tiếp tục đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị cho các trạm y tế xã, nâng cao chất lượng dịch vụ y tế trong chăm sóc sức khỏe ban đầu.

### **2. Tăng cường công tác y tế dự phòng, thực hiện các chương trình mục tiêu y tế:**

Nâng cao năng lực mạng lưới y tế dự phòng, thực hiện hiệu quả Chương trình mục tiêu y tế - dân số, chủ động trong công tác y tế dự phòng, kiểm soát tốt các bệnh truyền nhiễm nguy hiểm, đồng thời đẩy mạnh thực hiện phòng, chống các bệnh không lây nhiễm, phòng chống tai nạn thương tích. Tăng cường các hoạt động giám sát và kiểm soát an toàn vệ sinh thực phẩm, xử lý các chất thải y tế; quản lý các yếu tố có hại đến sức khỏe như: Hút thuốc, lạm dụng rượu bia, tình dục không an toàn, an toàn vệ sinh thực phẩm...Duy trì mức sinh thấp hợp lý, giảm thiểu mất cân bằng giới tính khi sinh, mở rộng cung cấp các dịch vụ tư vấn và khám sức khỏe tiền hôn nhân, sàng lọc, chẩn đoán trước sinh và sơ sinh, giảm dị tật và bệnh bẩm sinh, đáp ứng nhu cầu dịch vụ KHHGD của người dân. Thực hiện đạt các mục tiêu về chăm sóc sức khỏe bà mẹ và trẻ em, giảm tỷ lệ bệnh tật, tử vong mẹ và tử vong trẻ em. Đẩy mạnh truyền thông, cung cấp dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản lứa tuổi vị thành niên. Thực hiện tốt quản lý, chăm sóc thai, phòng chống các tai biến sản khoa. Tăng cường giám sát, thẩm định tử vong mẹ, tử vong trẻ sơ sinh, tầm soát phát hiện sớm bệnh ung thư sinh dục phụ nữ.

Đẩy mạnh công tác truyền thông giáo dục sức khỏe, cung cấp các kiến thức cơ bản về chăm sóc sức khỏe, tác động đến sự thay đổi hành vi của người dân trong việc chủ động bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe. Phối hợp liên ngành thực hiện tốt vận động

nhân dân xây dựng phong trào gia đình sức khỏe, xóm ấp sức khỏe, nông thôn mới, phòng chống dịch bệnh, vệ sinh môi trường, từng bước xóa bỏ những tác hại đối với sức khỏe do tập quán, lối sống không lành mạnh, không hợp vệ sinh, ô nhiễm môi trường.

Xây dựng lộ trình thực hiện đạt các tiêu chí y tế trong thực hiện xã nông thôn mới.

### **3. củng cố, phát triển và nâng cao chất lượng dịch vụ khám, chữa bệnh**

Triển khai đồng bộ các giải pháp để giảm quá tải bệnh viện và tăng sự hài lòng của người bệnh. Nâng cao chất lượng khám, chữa bệnh, giảm các sai sót trong điều trị; củng cố, nâng cao chất lượng mạng lưới cấp cứu, phát triển các chuyên khoa sâu tại tuyến tỉnh: ung bướu, tim mạch, chấn thương chỉnh hình, sản nhi, phục hồi chức năng..., đồng thời nâng cao chất lượng dịch vụ y tế tuyến y tế cơ sở, thực hiện tốt các chương trình chăm sóc sức khỏe cộng đồng, giữa y tế công lập và ngoài công lập. Tăng cường kiểm tra, giám sát việc thực hiện các quy định của pháp luật về bảo hiểm y tế tại các cơ sở khám, chữa bệnh, đảm bảo quyền lợi người bệnh, đồng thời tăng cường các giải pháp quản lý, chống lạm dụng quỹ BHYT. Phát triển mô hình chăm sóc sức khỏe người cao tuổi, quản lý các bệnh mạn tính như Tăng huyết áp, Đái tháo đường, bệnh phổi tắc nghẽn mạn tính và Hen phế quản... tại cộng đồng, phát triển mô hình bác sỹ gia đình.

Nâng cao năng lực quản lý bệnh viện, bảo đảm sử dụng hiệu quả nguồn lực ở các bệnh viện. Phát huy hiệu quả hoạt động của hội đồng thuốc và điều trị, tăng cường kiểm soát kê đơn, sử dụng thuốc, chỉ định xét nghiệm, chỉ định kỹ thuật; hạn chế tối đa việc lạm dụng thuốc và công nghệ y tế; thực hiện các biện pháp phòng ngừa và giảm các tai biến, sai sót chuyên môn, bảo đảm an toàn cho người bệnh và minh bạch trong quản lý, hoạt động chuyên môn và phân bổ nguồn lực, cơ chế xử lý, phản hồi ý kiến, bảo vệ quyền lợi của người bệnh. Tăng cường giáo dục y đức, quy chế ứng xử cho cán bộ y tế. Tăng cường thanh, kiểm tra, xử lý nghiêm vi phạm quy chế chuyên môn trong các cơ sở khám chữa bệnh.

Triển khai thực hiện có hiệu quả chính sách quốc gia về y dược học cổ truyền và kế hoạch hành động về phát triển y, dược cổ truyền Việt Nam đến năm 2020; đẩy mạnh sản xuất thuốc đông y, thuốc từ dược liệu và dược liệu. Củng cố hệ thống tổ chức y dược cổ truyền từ tỉnh đến xã, phường, thị trấn, xúc tiến đầu tư dự án xây dựng Bệnh viện Y học cổ truyền với quy mô 100 giường; nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các khoa, tổ y học cổ truyền tại các bệnh viện đa khoa tỉnh, huyện; tăng cường hoạt động y học cổ truyền tại các trạm y tế.

### **4. Phát triển nguồn nhân lực y tế:**

Tăng cường các hoạt động đào tạo và thực hiện tốt các cơ chế chính sách trong thu hút, đãi ngộ, sử dụng cán bộ để đảm bảo về số lượng và chất lượng theo quy hoạch phát triển ngành, phục vụ nhu cầu chăm sóc sức khỏe người dân. Quản lý và sử dụng có hiệu quả nguồn nhân lực y tế, từng bước nâng cao chất lượng nguồn nhân lực đáp ứng kịp thời nhu cầu chăm sóc sức khỏe. Nâng cao năng lực quản lý cho cán bộ lãnh đạo các đơn vị.

Đẩy mạnh liên kết các Trường Đại học Y Dược thực hiện đào tạo cán bộ đại học, sau đại học, đào tạo ngắn hạn tại An Giang, tăng cường đào tạo theo địa chỉ, đáp ứng nhu cầu về cán bộ cho y tế cơ sở, đặc biệt ưu tiên các vùng còn khó khăn, bổ sung bác sỹ công tác tuyến xã. Gắn đào tạo cán bộ với đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị để phát triển kỹ thuật chuyên khoa sâu ở tuyến tỉnh và chuyển giao kỹ thuật cho tuyến dưới. Thực hiện hiệu quả luân phiên cán bộ hỗ trợ tuyến dưới. Tăng cường đào tạo, tập huấn cập nhật, nâng cao kiến thức cho cán bộ y tế cơ sở để đáp ứng tốt với yêu cầu nhiệm vụ phát triển của ngành.

### **5. Xây dựng hệ thống thông tin y tế:**

- Đầu tư phát triển công nghệ thông tin ngành Y tế, từng bước xây dựng cơ sở dữ liệu và chuẩn hóa hệ thống thông tin y tế một cách đồng bộ, nâng cao chất lượng thông tin y tế (đầy đủ, chính xác, kịp thời, có độ tin cậy cao); tăng cường ứng dụng phần mềm trong quản lý, sử dụng số liệu thông tin y tế (tổng hợp, phân tích và xử lý số liệu). Tăng cường phổ biến thông tin với các hình thức đa dạng và phù hợp với người sử dụng, tăng cường sử dụng thông tin cho quản lý trực tiếp ở các đơn vị, từng tuyến.

- Triển khai thực hiện Đề án “Ứng dụng khoa học và công nghệ vào công tác hội chẩn, tư vấn, khám, chữa bệnh từ xa (telehealth) tại các cơ sở y tế trên địa bàn tỉnh An Giang giai đoạn 2016-2020”. Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong hội họp trực tuyến, đào tạo, tập huấn.

#### **6. Công tác Dược và trang thiết bị:**

Đảm bảo cung ứng thuốc, vắc xin, sinh phẩm, hóa chất, vật tư y tế thông qua đầu thầu tập trung, đảm bảo chất lượng và giá cả hợp lý, đáp ứng nhu cầu chăm sóc sức khỏe nhân dân. Sử dụng thuốc an toàn hợp lý, hiệu quả, từng bước giảm việc lạm dụng thuốc trong điều trị ở các cơ sở y tế. Tiếp tục thực hiện các chương trình chuẩn hóa và quản lý chất lượng thuốc: GMP, GLP, GSP, GPP.

Ngoài nguồn ngân sách Nhà nước đầu tư, tranh thủ các nguồn vốn ODA, vốn huy động khác đầu tư trang thiết bị, phát triển chuyên môn kỹ thuật cho các đơn vị trong ngành theo quy hoạch phát triển của ngành, phù hợp theo từng tuyến. Nâng cao năng lực quản lý, sử dụng và bảo trì trang thiết bị cho các cơ sở y tế, đảm bảo các trang thiết bị đầu tư được đưa vào sử dụng phục vụ sức khỏe nhân dân có hiệu quả cao.

#### **7. Cơ sở hạ tầng y tế:**

Tiếp tục thực hiện các dự án chuyên tiếp: Trụ sở 4 đơn vị (*Trung tâm Y tế dự phòng tỉnh, Trung tâm Kiểm nghiệm Dược phẩm - mỹ phẩm, Trung tâm Giám định y khoa, Trung tâm Truyền thông Giáo dục sức khỏe*), xây dựng Chi Cục An toàn vệ sinh thực phẩm, Mở rộng Bệnh viện Tim mạch An Giang. Triển khai thực hiện án dự án mới: Bệnh viện Y học cổ truyền, Bệnh viện đa khoa thị xã Tân Châu (giai đoạn 2). Tiếp tục đầu tư xây dựng, nâng cấp, bổ sung trang thiết bị cho các phòng khám đa khoa khu vực, các trạm y tế xã.

#### **8. Tài chính y tế:**

Bảo đảm ngân sách Nhà nước cho y tế cho chi thường xuyên và đầu tư phát triển. Thực hiện quản lý sử dụng hiệu quả, tiết kiệm các nguồn lực, đảm bảo cân đối ngân sách chi hợp lý, cân đối cho hoạt động thường xuyên và đột xuất của ngành. Tăng cường quản lý quỹ khám chữa bệnh BHYT tại các cơ sở điều trị. Duy trì và phát triển tốt các nguồn thu, đẩy mạnh thực hiện cơ chế tự chủ tài chính tại các đơn vị sự nghiệp của Ngành, đồng thời với nâng cao trình độ chuyên môn, chất lượng dịch vụ ở từng tuyến, minh bạch giá dịch vụ y tế, phân định rõ phần chi từ ngân sách nhà nước và phần chi của người sử dụng dịch vụ y tế. Thực hiện hiệu quả các nguồn tài chính khác: ODA, NGO, vốn xã hội hóa

Tiếp tục thực hiện tốt chính sách bảo hiểm y tế cho người nghèo, cận nghèo, trẻ em dưới 6 tuổi, người cao tuổi, đồng bào dân tộc thiểu số vùng kinh tế - xã hội khó khăn.

**Dự toán Ngân sách Y tế năm 2018** (không tính kinh phí mua BHYT khám chữa bệnh người nghèo và trẻ em dưới 6 tuổi):

Đơn vị tính: triệu đồng.

TT	Nội dung	Ước TH 2017	Dự toán 2018	Tăng, giảm so TH 2017	Tỷ lệ so với TH 2017
	<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>1.915.895</b>	<b>1.968.503</b>	<b>52.608</b>	<b>102,75</b>
<b>I</b>	<b>Ngân sách cấp</b>	<b>620.375</b>	<b>504.820</b>	<b>-115.555</b>	<b>81,37</b>
	<b>1. Đầu tư phát triển (*)</b>	<b>63.120</b>	<b>21.200</b>	<b>- 41.920</b>	<b>33,59</b>
	<b>2. Kinh phí sự nghiệp - hành chính</b>	<b>557.255</b>	<b>483.620</b>	<b>-73.605</b>	<b>86,79</b>
	<b>2.1. Sự nghiệp:</b>	<b>532.825</b>	<b>440.538</b>	<b>-92.287</b>	<b>82,68</b>
	- Sự nghiệp y tế tuyến tỉnh	238.530	167.063	-71.467	70,04
	Trong đó: + Bệnh viện	108.450	85.016	-23.434	78,39
	+ Hệ Y tế dự phòng	43.123	56.297	13.174	130,55
	+ Y tế khác	86.957	25.750	-61.207	29,61
	- Sự nghiệp Y tế tuyến huyện	273.524	245.070	-28.454	89,60
	Trong đó: + Bệnh viện	108.750	74.043	-34.707	68,09
	+ Hệ Y tế dự phòng	50.659	51.708	1.049	102,07
	+ Sự nghiệp y tế tuyến xã	114.115	119.319	5.204	104,56
	- Sự nghiệp Dân số	20.621	28.255	7.634	137,02
	- Sự nghiệp y tế khác	150	150	0	100,00
	<b>2.2. Quản lý hành chính:</b>	<b>7.786</b>	<b>8.100</b>	<b>314</b>	<b>104,03</b>
	- Sở Y tế	4.765	4.929	164	103,44
	- Chi cục Dân số	1621	1.769	148	109,13
	- Chi cục VSATTP	1400	1.402	2	100,14
	<b>2.3. CT Mục tiêu y tế - dân số (**)</b>	<b>16.644</b>	<b>34.982</b>	<b>18.338</b>	<b>210,18</b>
	Trong đó kinh phí TW	16.644	7.611	-9.033	45,73
<b>II</b>	<b>Thu sự nghiệp (Viện phí, học phí, phí )</b>	<b>1.295.520</b>	<b>1.463.683</b>	<b>168.163</b>	<b>112,98</b>
	- Viện phí (cả tiền thuốc)	1.218.380	1.370.880	152.500	112,52
	Trong đó: + Tiền thuốc	583.380	655.380	72.000	112,34
	+ Viện phí	635.000	715.500	80.500	112,68
	- Thu phí...	17.110	4.274	-12.836	24,98
	- Học phí	0	0	0	0
	- Thu dịch vụ...	60.030	88.529	28.499	147,47

(\*) Vốn đầu tư phát triển từ vốn XSKT năm 2018 lĩnh vực y tế dân số là 272.567 triệu đồng, trong đó Sở Y tế làm chủ đầu tư 02 dự án vốn phân bổ năm 2018 là 21.200 triệu đồng.

(\*\*) Chương trình mục tiêu y tế - dân số: Nhu cầu năm 2018: 34.982 triệu đồng, trong đó kinh phí TW đã phân bổ: 7.611 triệu đồng, phần kinh phí đề nghị ngân sách tỉnh bổ sung thêm: 27.371 triệu đồng chi cho các dự án sau:

- Dự án 01 Phòng chống một số bệnh truyền nhiễm nguy hiểm và các bệnh không lây nhiễm phổ biến: 931 triệu đồng (PC bệnh tăng huyết áp: 451 triệu đồng, PC bệnh đái tháo đường và thiếu I ốt: 480 triệu đồng).

- Dự án 02 Tiêm chủng mở rộng: 15.030 triệu đồng (mua sắm hệ thống dây chuyền lạnh: 9.680 triệu đồng, chi phí trả nợ hoạt động các năm 2016, 2017: 2.600 triệu đồng, chi hoạt động 2018: 2.750 triệu đồng).

- Dự án 03 Dân số và phát triển: 11.410 triệu đồng.

**Tổng dự toán ngân sách y tế năm 2018: 1.968,503 tỷ đồng**, so với ước thực hiện năm 2017 tăng 52,608 tỷ đồng (tăng 2,75%), trong đó:

\* **Từ Ngân sách cấp: 504,820 tỷ đồng** chiếm tỷ lệ **25,64%**, gồm:

- Đầu tư phát triển: 21,2 tỷ đồng.
- Quản lý hành chính: 8,1 tỷ đồng, tăng 4,03 % so với thực hiện năm 2017.
- Sự nghiệp: 440,538 tỷ đồng, giảm 17,32% so với thực hiện năm 2017.
- Chương trình mục tiêu y tế - dân số: 34,982 tỷ đồng, trong đó kinh phí TW đã phân bổ: 7.611 triệu đồng (giảm 9.033 triệu đồng so với năm 2017), phần kinh phí còn thiếu đề nghị ngân sách tỉnh cấp bổ sung: 27.371 triệu đồng.

\* **Từ các nguồn thu: 1.463,683 tỷ đồng** (chiếm tỷ lệ **74,36%**), tăng 12,98% so với thực hiện năm 2017.

Dự toán chi cho hệ y tế dự phòng chiếm khoảng 30,76% tổng kinh phí sự nghiệp y tế từ nguồn ngân sách cấp (năm 2011:21%, năm 2012: 23,6%, năm 2013:26,54%, 2014: 26,24%, 2015: 22,74%, 2016: 26,44%, năm 2017: 30,29%).

Kinh phí sự nghiệp y tế tuyến tỉnh (từ nguồn ngân sách cấp) dự toán kinh phí năm 2018 là 167,063 tỷ đồng, giảm 71,467 tỷ đồng (giảm 29,96%) so với năm 2017. Chủ yếu do giảm phần hỗ trợ chi không thường xuyên Bệnh viện Sản Nhi (thực hiện tự chủ) và giảm trừ NSNN phần chênh lệch tiền lương kết cấu tiền lương vào giá dịch vụ khám, chữa bệnh theo Thông tư Liên tịch số 37/2015/TTLT-BYT-BTC và Thông tư liên tịch số 02/2017/TT-BYT và giảm chi mua sắm trang thiết bị chuyên dùng các bệnh viện.

Kinh phí sự nghiệp y tế tuyến huyện (từ nguồn ngân sách cấp) dự toán kinh phí năm 2018 là: 245,070 tỷ đồng, tăng 9,296 tỷ đồng, giảm 28,454 tỷ đồng (10,4%) so ước thực hiện năm 2017. Chủ yếu do giảm trừ NSNN phần chênh lệch tiền lương kết cấu giá thu dịch vụ khám, chữa bệnh theo Thông tư Liên tịch số 37/2015/TTLT-BYT-BTC và Thông tư liên tịch số 02/2017/TT-BYT.

Dự toán kinh phí năm 2018 tuyến y tế xã 119,319 tỷ đồng, so ước thực hiện năm 2017 tăng 5,204 tỷ đồng (tăng 4,56%) do tăng mức lương cơ sở.

Kinh phí sự nghiệp dân số năm 2018 là: 28,255 tỷ đồng, so ước thực hiện năm 2017 tăng 7,634 tỷ đồng (tăng 37,02%), do giảm nguồn ngân sách trung ương, tăng phần chi ngân sách địa phương.

Dự toán nguồn thu viện phí năm 2018 các bệnh viện đều có tăng so năm 2017, các bệnh viện có điều kiện khai thác nguồn thu cố gắng phát huy hơn nữa, giá dịch vụ có kết cấu các khoản chi lương từ tháng 5 năm 2017, Sở Y tế phối hợp với Sở Tài chính tạm tính phần giảm trừ NSNN đã phân bổ dự toán theo giường bệnh 8 tháng năm 2017 và dự toán năm 2018. Tuy nhiên khó khăn chưa có cơ sở để tính toán chính xác, phần giảm trừ tới hai năm, do đó một số bệnh viện không còn kinh phí hoạt động, sẽ gặp khó khăn trong năm 2018.

Hệ điều trị tuyến huyện định mức kinh phí cấp giường bệnh 75 triệu đồng/năm, hiện tại chưa đủ chi cho con người (chiếm tỷ trọng bình quân 75% đối với bệnh viện tuyến tỉnh và 85% đối với bệnh viện tuyến huyện cho khoản chi cho con người). Các chế độ phụ cấp ngành y tế tăng cao, chế độ công tác phí, hội nghị, giá cả vật tư tiêu hao, nhiên liệu, điện nước, văn phòng phẩm...đều tăng, hiện tại ngân sách cấp không đủ chi con người; thực hiện giảm trừ NSNN do chênh lệch cơ cấu phân tiền lương trong giá thu dịch vụ khám, chữa bệnh theo Thông tư Liên tịch số 37/TTLT và số 02/TTLT hai năm 2017-2018, một số đơn vị nguồn thu thấp sẽ gặp khó khăn.

Hệ y tế dự phòng nguồn thu ít, ngân sách cần hỗ trợ đảm bảo kinh phí hoạt động.

Ngoài ra, phần ngân sách nhà nước còn nợ các khoản chi phụ cấp đặc thù, phụ cấp chống dịch, phụ cấp vùng đặc biệt khó khăn cho cán bộ y tế cần bổ sung: **78,603** tỷ đồng, gồm:

- Kinh phí thực hiện Quyết định 73/2011/QĐ-TTg là : 67,389 tỷ đồng (năm 2014: 14,783 tỷ đồng; năm 2015: 26,585 tỷ đồng; năm 2016: 26,020 tỷ đồng)

- Kinh phí thực hiện Nghị định 116/2010/NĐ-CP: 6,905 tỷ đồng (năm 2016: 2,940 tỷ đồng; năm 2017: 3,965 tỷ đồng)

- Kinh phí thực hiện Nghị định số: 64/2009/NĐ-CP: 4,309 tỷ đồng ( năm 2016: 2,083 tỷ đồng; năm 2017: 2,226 tỷ đồng)

### **9. Tăng cường xã hội hóa công tác y tế:**

Tham mưu tốt cho cấp ủy, chính quyền địa phương, phối hợp tốt với các ban, ngành, đoàn thể đẩy mạnh xã hội hóa trong hoạt động bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân. Tăng cường công tác truyền thông giáo dục sức khỏe, vận động mọi người chủ động tham gia bảo vệ sức khỏe. Tiếp tục đẩy mạnh thực hiện Kế hoạch phát triển xã hội hóa y tế. Khuyến khích đầu tư phát triển các cơ sở hành nghề y dược ngoài công lập, đặc biệt là các bệnh viện đa khoa, chuyên khoa, các phòng khám đa khoa tư nhân. Thực hiện hiệu quả Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ tại các cơ sở y tế công lập, chủ động huy động các nguồn vốn xã hội hóa trong lĩnh vực khám chữa bệnh theo đúng quy định trong việc đầu tư nâng cấp trang thiết bị, mở rộng các dịch vụ y tế đáp ứng nhu cầu khám chữa bệnh ngày càng cao của nhân dân. Tăng cường phối hợp hoạt động cơ sở công lập - ngoài công lập trong lĩnh vực y tế nhằm nâng cao chất lượng dịch vụ và đáp ứng tốt hơn nhu cầu chăm sóc sức khỏe nhân dân.

### **10. Nâng cao năng lực quản lý ngành Y tế:**

Nâng cao năng lực quản lý nhà nước về y tế ở các tuyến. Tăng cường đào tạo, đào tạo lại cho cán bộ quản lý. Đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, thực hiện tốt quy chế dân chủ, ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, điều hành, tổ chức triển khai tốt các chính sách pháp luật y tế. Phân cấp quản lý rõ giữa các tuyến, cơ chế phối hợp thực hiện giữa các đơn vị y tế trong tỉnh. Tăng cường thực hiện cơ chế tự chủ và tự chịu trách nhiệm của cán bộ lãnh đạo các đơn vị y tế. Thực hiện thanh tra, kiểm tra, giám sát thường xuyên và đột xuất các lĩnh vực của ngành. Thường xuyên theo dõi, giám sát, kiểm tra, đánh giá kết quả hoạt động và thực hiện kế hoạch. Xây dựng tổ chức cơ sở Đảng trong sạch vững mạnh trong các cơ sở y tế, bảo vệ chính trị nội bộ và xây dựng nội bộ đoàn kết nhất trí. Xây dựng phong trào thi đua, đặc biệt là xây dựng các đơn vị, cá nhân điển hình tiên tiến trong ngành.

#### ***Nơi nhận:***

- Bộ Y tế (Vụ KH -TC);
- HĐND, UBND tỉnh;
- VPTU, Ban TGTU;
- Sở KH&ĐT;
- BGĐ Sở Y tế;
- Các đơn vị y tế trực thuộc;
- Các Phòng ban Sở Y tế;
- Lưu: VT, KHTC.

**GIÁM ĐỐC**

**Đã ký**

**Từ Quốc Tuấn**

### **Phụ lục 1. Tình hình các bệnh truyền nhiễm năm 2017**

TT	Tên bệnh	Năm 2016		Năm 2017		So sánh với Năm 2016	
		Mắc	Chết	Mắc	Chết	Mắc	Chết
1	Tả	0	0	0	0	-	-
2	Thương hàn và phó thương hàn	216	0	233	0	Tăng 7,9 %	-
3	Lỵ trực trùng	913	0	812	0	Giảm 11,1%	-
4	Lỵ A míp	70	0	86	0	Tăng 22,9%	-
5	Sốt rét	01	0	7	0	Tăng 06 ca	-
6	Tiêu chảy	5.864	0	5.779	0	Giảm 1,4%	-
7	Viêm não VR	14	02	11	0	Giảm 21,4%	Giảm 02 ca
8	Sốt xuất huyết Dengue	2.978	03	4.627	4	Tăng 55,4%	Giảm 01 ca
9	Viêm gan Virut: A, B, C, D, E	203	01	580	0	Tăng 185,7%	Giảm 01 ca
10	Bệnh dại	0	0	0	0	-	-
11	VMN do não mô cầu	0	0	0	0	-	-
12	Thủy đậu-Zona	110	0	249	0	Tăng 126,4%	-
13	Bạch hầu	0	0	0	0	-	-
14	Ho gà	02	0	0	0	Giảm 02 ca	-
15	Uốn ván sơ sinh	02	01	0	0	Giảm 02 ca	Giảm 01 ca
16	Uốn ván khác	39	0	23	0	Giảm 41%	-
17	Liệt mềm cấp nghi bại liệt	09	0	8	0	Giảm 11,1%	-
18	Sốt phát ban nghi Sởi	42	0	45	0	Tăng 7,1%	-
19	Quai bị	130	0	202	0	Tăng 55,4%	-
20	Rubella	01	0	2	0	Tăng 01 ca	-
21	Cúm thường	2.970	0	5.877	0	Tăng 97,9%	-
22	Cúm A H5N1	0	0	0	0	-	-
23	Viêm giác mạc, kết mạc do adenovirus	52	0	50	0	Giảm 3,8%	-
24	Dịch hạch	0	0	0	0	-	-
25	Bệnh than	0	0	0	0	-	-
26	Xoắn khuẩn vàng da	0	0	0	0	-	-
27	Tay chân miệng	2.315	0	3.322	0	Tăng 43,5%	-
28	Bệnh liên cầu lợn ở người	01	0	2	0	Tăng 01 ca	-

*Dân số ước tính năm 2017: 2.161.713 người*

*Dân số ước tính năm 2018: 2.164.151 người*

**Phụ lục 2: Mục tiêu, chỉ tiêu các chương trình mục tiêu quốc gia**

	Mục tiêu – Chỉ tiêu	TH năm 2016	Chỉ tiêu năm 2017	TH năm 2017	KH năm 2018
<b>I</b>	<b>Chương trình Mục tiêu quốc gia Y tế</b>				
<b>1</b>	<b>Dự án 1: Phòng, chống một số bệnh truyền nhiễm nguy hiểm và một số bệnh không lây nhiễm</b>				
	<b>Phòng chống Phong</b>				
	- Tỷ lệ lưu hành bệnh/10.000 dân	0,02	≤ 0,2	0,09	≤ 0,2
	- Số bệnh nhân Phong mới phát hiện	08	07	07	11
	- TL bệnh nhân Phong mới/100.000 dân	0,23	<1	0,32	<1
	- Tỷ lệ tàn phế độ II ở BN Phong mới	40%	< 15%	42,86%	< 15%
	- Số bệnh nhân đa hóa trị liệu	08	07	12	07
	- Số bệnh nhân chăm sóc tàn tật	40	40	38	40
	- Số bệnh nhân phục hồi chức năng	06	10	08	10
	<b>Phòng chống Lao</b>				
	- T/lệ điều trị khỏi BN lao AFB (+) mới	92%	92%	93%	92%
	- T/lệ bệnh nhân điều trị khỏi lao các thể	93%	> 85%	93%	> 85%
	- Số BN Lao quản lý điều trị	7.592	7.484	7.183	7.485
	- Số BN lao AFB (+) mới đăng ký điều trị	2.860	3.000	2.746	3.000
	- Tổng số BN Lao các thể thu dung điều trị	4.403	4.500	4.383	4.500
	- Số huyện có chương trình chống Lao	11	11	11	11
	- Số xã phường có chương trình chống lao	156	156	156	156
	- Tỷ lệ % các huyện không thiếu thuốc, trang bị xét nghiệm và các cung ứng y tế khác	100%	100%	100%	100%
	<b>Phòng chống Sốt rét</b>				
	- Tỷ lệ mắc Sốt rét/ 1.000 dân	0,0005	≤ 0,008	0,003	≤ 0,02
	- Số chết do Sốt rét	0	0	0	0
	- Dịch Sốt rét	0	0	0	0
	- Dân số được bảo vệ bằng tấm màn	0	0	0	0
	- Số lame máu XN tìm KST SR	23.343	15.000	19.791	10.000
	<b>Phòng chống Sốt xuất huyết</b>				
	- Tỷ lệ mắc SXH/100.000 dân	137,98	≤ 142,61	214,04	142,61
	- Tỷ lệ chết/mắc SXH (%)	0,108	≤ 0,08	0,086	≤ 0,08
	<b>Phòng chống bệnh Tăng huyết áp</b>				
	- Số xã mới triển khai khám sàng lọc và quản lý bệnh nhân tăng huyết áp	0	06 xã	0	16 xã
	- Tổng số người được khám sàng lọc	0	4.000	0	22.000
	- Số bệnh nhân được quản lý	13.965	14.472	9.469	12.301
	- Số bệnh nhân khám và điều trị	8.098	7.238	5.957	6.152
	<b>Phòng chống bệnh Đái tháo đường</b>				
	- Tỷ lệ cán bộ chuyên trách ở huyện được tập huấn về khám sàng lọc và quản lý bệnh nhân cũng như người có nguy cơ đái tháo đường	100%	100%	100%	100%
	- Số xã được khám sàng lọc mới	0	03	0	16
	- Số BN được quản lý	4.766	4.780	5.720	6.787
	- Số BN được tư vấn	4.396	3.824	5.166	5.430

	Mục tiêu – Chỉ tiêu	TH năm 2016	Chỉ tiêu năm 2017	TH năm 2017	KH năm 2018
	- Tỷ lệ xã triển khai có tổ tư vấn	100 %	100%	100%	100%
	<b>Bảo vệ sức khỏe tâm thần cộng đồng</b>				
	- Số xã cũ duy trì hoạt động chăm sóc sức khỏe tâm thần tại cộng đồng	132	156	132	140
	- Số xã mới triển khai hoạt động chăm sóc SK tâm thần	0	25	0	08
	- Tỷ lệ điều trị ổn định	76,3%	>71%	72,59%	>71%
	- Tỷ lệ gây rối	11,8%	<15%	11,8%	11,8%
	- Tỷ lệ nguy hại	5,3%	< 12%	5,3%	5,3%
	- Tỷ lệ mãn tính, tàn phế	6,6%	< 8%	6,6%	6,6%
<b>2</b>	<b>Dự án 2: Tiêm chủng mở rộng</b>				
	- Số trường hợp vi rút hoang dại	0	0	0	0
	- TL huyện đạt tiêu chuẩn loại trừ UVSS	100%	100%	100%	100%
	- Tỷ lệ tiêm chủng đầy đủ 8 loại vaccin cho trẻ em dưới 01 tuổi	97,7%	≥ 95%	90,6%	≥ 95%
	- Tỷ lệ tiêm ngừa uốn ván				
	+ VAT 2 + cho phụ nữ có thai	84,7%	≥ 90%	80,1%	≥ 85%
	+ VAT 2+ cho phụ nữ tuổi sinh đẻ vùng có nguy cơ ( tại 09 huyện )	90,3%	≥ 90%	86,1%	≥ 90%
	- Tỷ lệ tiêm nhắc lại vaccin Sởi mũi 2 cho trẻ 18 tháng	91,5%	≥ 90%	85,84%	≥ 90%
	- Tỷ lệ tiêm nhắc lại DPT mũi 4 cho trẻ 18 tháng	90,6%	≥ 85%	86%	≥ 85%
	- Tỷ lệ phòng bệnh Bại liệt (vaccin IPV)		≥ 90%		≥ 90%
<b>3</b>	<b>Dân số và phát triển</b>				
	<b>Dân số - Kế hoạch hóa gia đình</b>				
	- Mức giảm tỷ lệ sinh	0,1‰	0,05%	0,05%	0,05%
	- Tỷ số giới tính khi sinh ( số trẻ trai/100 trẻ gái)	108,26	108	108	≤110
	- Tỷ lệ sàng lọc trước sinh	21,4%	25%	46,44%	22,6%
	- Tỷ lệ sàng lọc sơ sinh	6,48%	7%	18,24%	7,9%
	- Số người mới thực hiện biện pháp tránh thai hiện đại trong năm	190.438	181.100	193.015	176.400
	+ Đặt vòng	20.406	20.000	23.112	18.000
	+ Đình sản	591	600	755	200
	+ Thuốc tiêm tránh thai	13.448	13.500	13.685	12.000
	+ Thuốc cấy tránh thai	468	500	388	200
	+ Thuốc viên tránh thai	118.160	110.000	117.574	110.000
	+ Bao cao su tránh thai	37.365	36.500	37.501	36.000
	<b>Chăm sóc sức khỏe sinh sản</b>				
	- TL trẻ sơ sinh có cân nặng < 2.500 gr	4,55%	≤ 6%	4,69%	≤ 6%
	- TL Phụ nữ đẻ khám 3 lần trong 3 thai kỳ	90%	≥ 98%	78,93%	≥ 92%
	- TL PN đẻ được nhân viên y tế đã qua đào tạo đỡ	99,98%	≥ 98%	99,97%	≥ 99,5%
	- TL bà mẹ và trẻ sơ sinh được chăm sóc sau sinh trong tuần đầu	100%	≥ 98%	65,92%	≥ 85%
	- TL bà mẹ và trẻ sơ sinh được chăm sóc sau sinh trong 42 ngày đầu	100%	≥ 98%	100 %	≥ 98%
	- Tỷ suất tử vong trẻ em dưới 1 tuổi /1.000 trẻ sinh sống)	6‰	≤ 6‰	6‰	≤ 6‰
	<b>Cải thiện tình trạng dinh dưỡng trẻ em</b>				
	- TL SDD trẻ em < 5 tuổi (cân nặng/ tuổi)	12,2%	11,7%	11,5%	≤11,2%

	Mục tiêu – Chỉ tiêu	TH năm 2016	Chỉ tiêu năm 2017	TH năm 2017	KH năm 2018
	- TL SDD trẻ em (chiều cao/tuổi)	23,4%	23%	20,5%	≤ 20,2%
<b>4</b>	<b>Dự án 4: An toàn thực phẩm</b>				
	- Số vụ ngộ độc thực phẩm ≥ 30 người	0	01	01	01
	- Tỷ lệ ca NĐTP/100.000 dân trong các vụ ngộ độc thực phẩm được báo cáo	2,59	<6	20,96	<6
	- TL cơ sở SX, chế biến thực phẩm có giấy phép kinh doanh đạt tiêu chuẩn VSATTP	50%	≥ 75%	59,04%	≥ 75%
	- TL cơ sở dinh dưỡng TP đạt tiêu chuẩn VSATTP	78%	≥ 80%	74,85%	≥ 80%
<b>5</b>	<b>Dự án 5: Phòng, chống HIV/AIDS</b>				
	- Tỷ lệ đội ngũ cán bộ phòng, chống AIDS từ tuyên tỉnh đến huyện/thị/thành phố, xã phường; đảm bảo mỗi cán bộ được tập huấn về lĩnh vực chuyên môn có liên quan ít nhất 1 lần trong năm.	100%	100%	100%	100%
	- Số người điều trị Methadone (người)	547	670	542	650
	- Số mẫu giám sát dịch tễ học HIV	53.299	50.000	51.306	50.000
	- Tỷ lệ hiện nhiễm HIV trong cộng đồng dân cư	0,27%	< 0,3%	0,283%	< 0,3%
	- Số bệnh nhân điều trị ARV (người)	4.177	4.184	4.311	4.750
	<i>Trong đó số trẻ em điều trị ARV ( người )</i>	<i>258</i>	<i>289</i>		<i>290</i>
	- Tỷ lệ phụ nữ mang thai được xét nghiệm HIV	100%	100%	100%	100
	- Tỷ lệ người lớn nhiễm HIV đủ tiêu chuẩn điều trị bằng thuốc ARV được tiếp cận với dịch vụ điều trị bằng thuốc ARV	100%	100%	100%	95%
	- Tỷ lệ trẻ nhiễm HIV đủ tiêu chuẩn điều trị bằng thuốc ARV được tiếp cận với dịch vụ điều trị bằng thuốc ARV	100%	95%	100%	95%
	- Tỷ lệ cán bộ phơi nhiễm HIV do tai nạn rủi ro nghề nghiệp được tiếp cận điều trị dự phòng bằng thuốc ARV	100%	100%	100%	100%
	- Tỷ lệ phụ nữ mang thai nhiễm HIV và con của họ (số quản lý được) được điều trị dự phòng lây từ mẹ sang con bằng thuốc ARV	85%	85%	100%	90%
	- Tỷ lệ đơn vị máu được sàng lọc	100%	100%	100%	100%
<b>6</b>	<b>Dự án 7: Dự án Quân dân y kết hợp</b>				
	- Tỷ lệ các huyện thị thành có thực hiện phối hợp quân dân y trong CSSK	100%	100%	100%	100%
	- Tỷ lệ các đơn vị dự bị động viên, đội cơ động sẵn sàng cơ động	80%	80%	80%	80%
	- Thành viên Ban Quân dân y được tập huấn chuyên môn	85%	85%	85%	85%

### Phụ lục 3: Hoạt động khám chữa bệnh

<i>Chỉ tiêu</i>	<b>TH 2012</b>	<b>TH 2013</b>	<b>TH 2014</b>	<b>TH 2015</b>	<b>TH 2016</b>	<b>Ước TH 2017</b>
- Tổng số lần khám chung	10.288.899	10.712.521	9.863.494	10.668.532	11.087.513	11.087.000
- B/quân số lần khám /người dân/năm	4,78	4,97	4,58	4,94	5,13	5,12
<i>Trong đó: + Khám tại tuyến tỉnh</i>	<i>0,59</i>	<i>0,69</i>	<i>0,64</i>	<i>0,85</i>	<i>0,81</i>	<i>0,81</i>
+ Khám tại tuyến huyện	1,03	1,56	1,22	1,3	1,38	1,37
+ Khám tại tuyến xã, PKKV	3,16	2,72	2,72	2,79	2,94	2,94
- Tổng số lần khám bệnh	9.413.246	9.296.065	10.125.724	8.975.369	9.201.204	9.530.000
- B/quân số lần KB/ người dân /năm	4,37	4,3	4,7	4,16	4,26	4,4
<i>Trong đó: + Khám tại tuyến tỉnh</i>	<i>0,51</i>	<i>0,5</i>	<i>0,56</i>	<i>0,66</i>	<i>0,62</i>	<i>0,69</i>
+ Khám tại tuyến huyện	1,12	1,27	1,72	1,31	1,29	1,34
+ Khám tại tuyến xã, PKKV	2,74	2,53	2,42	2,19	2,35	2,37
- Số lượt người điều trị nội trú (không tính TYT xã)	269.511	295.965	273.405	281.589	309.043	309.000
<i>Trong đó y tế tư nhân:</i>	<i>28.382</i>	<i>26.798</i>	<i>28.315</i>	<i>29.872</i>	<i>32.462</i>	<i>33.300</i>
- Tỷ lệ khỏi bệnh ra viện	80%	81%	81%	82,2%	82,2%	82,2%
- Tỷ lệ tử vong chung tại BV	0,38%	0,35%	0,28%	0,27%	0,27%	0,27%
- Số lần khám YHCT (tại cơ sở y tế công lập)	2.544.576	2.049.383	2.160.073	1.818.191	1.902.353	1.902.400

\* *Tuyến huyện tính cả bệnh viện tư nhân*

### Phụ lục 4. Tình hình thực hiện các chỉ tiêu BVSK BMTE

<i>Chỉ tiêu</i>	<b>2012</b>	<b>2013</b>	<b>2014</b>	<b>2015</b>	<b>2016</b>	<b>2017</b>	<b>KH 2018</b>
- Tỷ suất chết trẻ em < 01 tuổi/1.000 trẻ đẻ sống	10 ‰	8,9 ‰	7‰	6‰	6‰	6‰	6‰
- Tỷ suất chết trẻ em dưới 5 tuổi/1.000 trẻ đẻ sống	17 ‰	15 ‰	14‰	12‰	11,6‰	11,2‰	11‰
- Tỷ lệ trẻ sơ sinh nhẹ cân dưới 2.500 g	5,14%	5,1%	3,53%	4,38%	4,55%	4,69%	< 6%
- TL SDD TE< 5 tuổi thể nhẹ cân (cân nặng/tuổi )	15,2%	14,3%	13,1%	12,8%	12,6%	11,5%	11,2%
- TL SDD TE< 5 tuổi thể thấp còi (chiều cao/tuổi )	26%	24,9%	24%	23,9%	23,4%	20,5%	20,2%
- Tỷ số tử vong mẹ/100.000 trẻ đẻ sống	29	28,82	24,9	16,53	23,08	18,2	≤ 30
- Tỷ lệ PN đẻ được khám thai ≥ 3 lần/3 thai kỳ	77,46%	85,36%	87,23%	80,28%	90%	78,93%	≥ 90%
- TL PN đẻ được CBYT có chuyên môn đỡ	99,95%	99,96%	99,97%	99,94%	99,98%	99,97%	≥ 99,95%